



EVNGENCO2

**TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG**



TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026



Đà Nẵng, 01/6/2026

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN A VƯƠNG
Số: 932/TTr-TĐAV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Về việc thông qua Chương trình, Quy chế tổ chức, Thẻ lệ biểu quyết

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần thủy điện A Vương;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 29/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua tài liệu tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

HĐQT Công ty trình Đại Hội đồng cổ đông nội dung như sau:

1. Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
2. Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
3. Thẻ lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết nghị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- BTC;
- Lưu: VT, TKCT, HCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lưu Ngọc Mai Phi

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG

Thời gian	Nội dung	Điều hành
8h30 – 9h00	1. Đón tiếp đại biểu và cổ đông 2. Kiểm tra tư cách cổ đông và lập danh sách cổ đông tham dự 3. Phát tài liệu và Thẻ Biểu Quyết	Ban Tổ chức Ban KTTCCĐ
9h00 – 9h20	Thủ tục chuẩn bị Đại hội 1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu 2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại Hội	Ban Tổ chức Ban KTTCCĐ
9h20 – 9h40	Tiến hành Đại hội 1. Giới thiệu Đoàn chủ tịch Đại hội, Chủ tịch đoàn 2. Giới thiệu, thông qua Thư ký Đại hội. 3. Giới thiệu, thông qua chương trình và các Quy chế, thể lệ tại Đại hội	Ban Tổ chức Đoàn chủ tịch Ban tổ chức
9h40 – 10h40	1. Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD năm 2025; kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2026.	Ban TGD
	2. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.	TCKT
	3. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2026	HĐQT
	4. Báo cáo hoạt động của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2026 và tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026	Ban kiểm soát
	5. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025	Đoàn chủ tịch
	6. Tiền lương/Thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và Kế hoạch Tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2026	Đoàn Chủ tịch
	7. Bổ sung ngành nghề kinh doanh và hiệu chỉnh mã ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Bộ phận Pháp chế
	8. Đại hội thảo luận	Đoàn Chủ tịch
10h40 – 10h50	Tiến hành biểu quyết nội dung Đại hội: - Ban kiểm phiếu hướng dẫn bỏ phiếu. - Cổ đông thực hiện thủ tục biểu quyết các nội dung Đại hội. - Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu.	Đoàn Chủ tịch
10h50 – 11h00	Đại hội nghỉ giải lao.	Đoàn Chủ tịch
10h00 – 11h10	Công bố kết quả kiểm phiếu.	Ban kiểm phiếu
11h10 – 11h20	Các phát biểu của Đại biểu, Khách mời (nếu có)	Đoàn Chủ tịch
11h20 – 11h30	Thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội	Đoàn chủ tịch Ban Thư ký
	Tuyên bố bế mạc	Ban tổ chức

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Thủy điện A Vương (sau đây gọi tắt là Đại hội).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể về thể thức tổ chức, làm việc tại Đại hội. Các Cổ đông và các bộ phận có liên quan tại Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Yêu cầu đối với Cổ đông

- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự điều hành, hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội; không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tịch đoàn cho phép.

- Nghiêm túc thực hiện quy chế tổ chức và các quy chế liên quan tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

- Cổ đông đến dự Đại hội trễ (sau khi khai mạc) phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tịch đoàn không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Chương II
CÁC THỂ THỨC TẠI ĐẠI HỘI

Điều 4. Đối với các Cổ đông¹ tham dự đại hội

1. Mỗi Cổ đông khi tới tham dự phải mang theo giấy tờ tùy thân (*Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu*) trình Ban tổ chức Đại hội thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ

¹ Cổ đông: Được hiểu là cổ đông trực tiếp tham dự hoặc một hay nhiều Người đại diện được ủy quyền tham dự

đồng khi được yêu cầu. Trường hợp người dự họp là người được ủy quyền phải gửi kèm theo giấy ủy quyền.

2. Ngay sau khi hoàn tất khâu đăng ký, kiểm tra tư cách họp lệ; Mỗi cổ đông sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát tài liệu họp; 01 “Thẻ biểu quyết” và 01 “Phiếu lấy ý kiến biểu quyết”.

“Thẻ biểu quyết” được sử dụng trong trường hợp biểu quyết công khai bằng giơ thẻ; “Phiếu lấy ý kiến biểu quyết” được biểu quyết trong trường hợp biểu quyết kín bỏ vào thùng phiếu. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết. Giá trị biểu quyết mà Cổ đông đó nắm giữ sẽ tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông sở hữu (nắm giữ) hoặc đại diện sở hữu (đại diện theo ủy quyền).

3. Tại Đại hội, các Cổ đông sẽ nghe báo cáo lần lượt các nội dung của Đại hội, sau đó cùng thảo luận, ý kiến công khai và biểu quyết tất cả các vấn đề trong chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

Điều 5. Các bộ phận liên quan giúp việc tại Đại hội

1. Ban tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị Công ty thành lập, Ban Tổ chức có trách nhiệm biên soạn các quy chế tổ chức, quy chế bầu cử (nếu có), thể lệ biểu quyết trình Đại hội. Thực hiện phát tài liệu, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết cho cổ đông có đủ tư cách tham dự và những thủ tục cần thiết khác để Đại hội được tổ chức đúng quy định.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội (gọi tắt là Ban kiểm tra tư cách cổ đông) do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận giấy tờ những người đến tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các Cổ đông dự Đại hội. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền kiến nghị việc từ chối cấp các tài liệu tham dự của Đại hội.

3. Ban kiểm phiếu: Do Đoàn chủ tịch đề nghị và Đại hội biểu quyết thông qua. Số lượng thành viên Ban kiểm phiếu là 03 người.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ: Kiểm đếm việc biểu quyết của các Cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung biểu quyết để công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

Điều 6. Đoàn chủ tịch và Thư ký Đại hội:

1. Đoàn chủ tịch Đại hội: Là một số thành viên HĐQT được đề nghị và ĐHĐCĐ thông qua, trong đó Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Đoàn chủ tịch Đại hội có trách nhiệm chủ trì điều hành Đại hội. Quyết định của Đoàn chủ tịch về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết. Đoàn Chủ tịch tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một

cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.

2. Ban thư ký Đại hội do Đoàn chủ tịch đề nghị và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Phát biểu tại Đại hội: Các Cổ đông muốn phát biểu ý kiến phải:

- Giơ cao thẻ biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự chấp thuận của Chủ tịch Đoàn.
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với Chương trình Đại hội.
- Thời gian phát biểu không quá 10 phút cho 01 lần phát biểu.

Điều 9. Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Đại hội. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

- Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- Các nội dung thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương.

1. Nguyên tắc chung

- Các vấn đề phải thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của Cổ đông² có quyền biểu quyết.
- Trong trường hợp Cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu từ xa. Việc bỏ phiếu từ xa được thực hiện theo trình tự đã được quy định và thông tin tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ và phải gửi đến Công ty nhận được trước ngày Đại hội 01 ngày.
- Mỗi cổ phần tương ứng có một phiếu biểu quyết. Mỗi cổ đông có số phiếu biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu (nắm giữ) hoặc/và đại diện sở hữu (đại diện theo ủy quyền).

2. Cách thức biểu quyết các cổ đông tham dự Đại hội

- Các vấn đề biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Như thông qua Chương trình, Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, các quy chế làm việc ...) được thực hiện bằng cách giơ thẻ biểu quyết theo sự điều hành của Đoàn chủ tịch Đại hội. Các cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết hướng về phía Đoàn chủ tịch; những Cổ đông không giơ cao Thẻ biểu quyết được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.
- Đối với các nội dung họp được biểu quyết bằng Phiếu lấy ý kiến biểu quyết. Cổ đông bỏ phiếu vào thùng phiếu được Ban Tổ chức chuẩn bị tại nơi diễn ra Đại hội sau khi kết thúc phần thảo luận các nội dung dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch Đại hội.
- Tại Đại hội, Cổ đông có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp cổ đông đến muộn, thì hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng. Trường hợp Cổ đông ra về trước khi Đại hội tiến hành biểu quyết, thì số phiếu biểu quyết của cổ đông đó được tính vào tỷ lệ tán thành với các vấn đề Đại hội đưa ra biểu quyết.

3. Cách thức Kiểm phiếu

² Cổ đông: được hiểu là cổ đông trực tiếp tham dự hoặc một hay nhiều Người đại diện được ủy quyền tham dự

Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm trên máy tính. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chịu trách nhiệm tiến hành kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiểm phiếu thực hiện theo trình tự kiểm số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

4. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại Đại hội. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu rõ số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng vấn đề cụ thể.

5. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông:

Chương trình, các quy chế làm việc tại Đại hội, cử Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, các nội dung trình tại Đại hội thường niên năm 2026 được thông qua và có hiệu lực khi được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp tán thành.

6. Xử lý ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết: Đoàn chủ tịch sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

BÁO CÁO
Về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025;
Kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương;

Căn cứ Nghị quyết số 1184/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 về Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương;

Căn cứ Nghị quyết 26/NQ-HĐQT ngày 29/5/2026 về việc thông qua Thông qua Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (lần 2);

Căn cứ Tờ trình số 903/TTr-TĐAV ngày 28/5/2026 của Tổng giám đốc về việc thông qua kết quả thực hiện kế hoạch 2025, kế hoạch năm 2026;

Căn cứ Tờ trình số 906/TTr-TĐAV ngày 28/05/2026 của Tổng giám đốc về việc thông qua nội dung hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và nhà đầu tư Dự án: Thủy điện A Vương mở rộng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 cụ thể như sau:

1. Tình hình cổ đông của Công ty

Số cổ đông của Công ty chốt ngày 20/04/2026 là 380 cổ đông, trong đó cổ đông pháp nhân là 03 cổ đông, cổ đông thể nhân là 377 cổ đông. Số cổ phần các cổ đông đang nắm giữ là 75.052.052 cổ phần/vốn điều lệ của Công ty là 750.520.520.000 đồng.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao trong năm 2025

2.1. Tình hình ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và ĐTXD năm 2025

Trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:

2.1.1. Thuận lợi

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các bên hữu quan có liên quan, đặc biệt là sự giúp đỡ hữu hiệu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Phát điện 2, chính quyền địa phương Thành phố Đà Nẵng.

- Mức nước hồ Thủy điện A Vương đầu năm 2025 xấp xỉ mức nước dâng bình thường 379,96/380m góp phần đảm bảo kế hoạch vận hành mùa khô năm 2025.

- Tình hình thủy văn năm 2025 thuận lợi cho công tác sản xuất điện, lưu lượng trung bình nước về hồ năm 2025 rất tốt, đạt 37,58 m³/s (tương đương tần suất 11%).

- Thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật, bảo trì và vận hành nên 2 Tổ máy NMTĐ A Vương được vận hành an toàn, liên tục và tin cậy (không có sự cố) và luôn đáp ứng theo huy động của NSMO.

2.1.2 Khó khăn

- Việc giao sản lượng Qc tháng của NSMO rất sát so với dự báo thủy văn và tỷ lệ sản lượng thanh toán theo giá Pc Alpha lên đến 98% nên sản lượng điện bán tính theo giá thị trường rất thấp, từ đó ảnh hưởng lớn đến Doanh thu.

- NMTĐ A Vương đã đưa vào vận hành được 17 năm, các thiết bị đã giảm tuổi thọ, xác suất hư hỏng cao nhưng nhờ tăng cường công tác giám sát thiết bị của các tổ máy, kịp thời phát hiện các khiếm khuyết, nguy cơ tiềm ẩn của thiết bị để sửa chữa/thay thế nên trong năm 2025 không xảy ra sự cố.

- Trong mùa mưa lũ năm 2025 xảy ra 4 đợt mưa lũ lớn, đặc biệt là đợt mưa lớn cực đoan từ ngày 16-19/11/2025 với lượng mưa gần 400 mm xảy ra trong thời gian ngắn đã gây sạt lở nghiêm trọng nhiều điểm của trên 30 km đường giao thông nội bộ công trình với 09 điểm sạt lở đường vào đập, 27 điểm sạt lở đường nội bộ Nhà máy, đặc biệt điểm sạt trượt trôi đường giao thông tại Km5+850 đường vào nhà máy và sạt lở tại suối Balan đã cô lập hoàn toàn nhà máy. Việc này gây khó khăn cho công tác vận hành NMTĐ A Vương trong giai đoạn cuối tháng 11 tháng 12/2025, làm tăng chi phí sửa chữa đường vận hành và các công trình xây dựng khác.

Với những thuận lợi và khó khăn thách thức nêu trên, ngay từ đầu năm 2025 Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đã đề ra góp phần quyết định hoàn thành tốt các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao trong năm 2025, cụ thể:

2.2. Về kết quả sản xuất kinh doanh

2.2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

- Công tác quản lý vận hành NMTĐ A Vương trong năm 2025 được thực hiện an toàn, hiệu quả. Các tổ máy luôn đảm bảo đáp ứng theo huy động của NSMO và tham gia cấp nước phục vụ hạ du theo kế hoạch đã thống nhất với địa phương.

- Hoàn thành đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được giao trong năm 2025, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Hệ số khả dụng	%	88,95	93,28	104,9%
2	Tỷ lệ điện tự dùng SXĐ	%	0,63	0,30	47,6%

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao trong năm 2025 cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr. kWh	739,000	997,005	134,91%

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	610,661	743,672	121,78%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	337,477	408,808	121,14%
4	Tổng LN trước thuế	Tỷ đồng	273,184	334,865	122,58%

(Chi tiết như Phụ lục 1: Kết quả sản xuất kinh doanh 2025 kèm theo)

2.2.2. Các nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh so với chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao

- Sản lượng điện sản xuất năm 2025 đạt 134,91% so với sản lượng kế hoạch giao nhờ mực nước hồ đầu năm 2025 đạt gần mực nước dâng bình thường, thủy văn năm 2025 thuận lợi, đồng thời nhờ thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật, bảo trì và vận hành nên trong năm 2025 hai Tổ máy vận hành an toàn, liên tục, tin cậy (không có sự cố) và luôn đáp ứng theo huy động của NSMO.

- Doanh thu năm 2025 là 743,672 tỷ đồng, đạt 121,78%, trong đó doanh thu SXĐ đạt 694,759 tỷ đồng nhờ sản lượng điện phát cao và hiệu quả từ việc chào giá trên thị trường điện.

- Tổng chi phí năm 2025 cao hơn kế hoạch 21,14%, trong đó chi phí SXĐ tăng 15,88% so với kế hoạch (tăng 51,41 tỷ đồng) chủ yếu do thuế phí thực hiện năm 2025 cao hơn kế hoạch (do sản lượng điện sản xuất năm 2025 cao hơn 34,91% so với kế hoạch giao).

- Lợi nhuận năm 2025 đạt 334,865 tỷ đồng/kế hoạch giao là 273,184 tỷ đồng, đạt 122,58% so với kế hoạch. Trong đó, lợi nhuận sản xuất điện là 319,532 tỷ đồng, đạt 120,01% kế hoạch.

2.3. Về công tác tài chính của Công ty

Tình hình tài chính của Công ty ổn định và duy trì ở mức an toàn, công tác thanh toán được thực hiện đúng quy định. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2025 đạt chỉ tiêu giao, cụ thể như sau:

- Nợ phải trả/VCSH: 0,12 lần (≤ 3);
- Hệ số bảo toàn vốn: 1,13 lần (≥ 1);
- Khả năng thanh toán ngắn hạn: 3,16 lần (> 1).

Giá cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán dao động từ 50.000÷55.000 đồng/cổ phiếu, cao hơn so với cùng kỳ do kết quả SXKD tốt.

2.4. Báo cáo giao dịch với người có liên quan năm 2025

Trong năm 2025, Công ty cổ phần Thủy điện A Vương có phát sinh giao dịch: Tập đoàn Điện lực Việt Nam và người có liên quan về chi trả cổ tức và doanh thu tiền điện trên 35% giá trị tổng tài sản của Công ty. Chi tiết xem tại thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025 (tại mục 36 - Thông tin về các bên liên quan).

2.5. Về các nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2025 và các nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD năm 2026

Các vấn đề, nội dung công việc phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2025 và các nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD năm 2026 như Phụ lục 5, phụ lục 6 kèm theo.

3. Về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

3.1. Thuận lợi và khó khăn và thách thức

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2026 dự kiến sẽ có những thuận lợi, khó khăn thách thức sau:

- Thuận lợi:

+ Mức nước hồ TĐAV đầu năm 2026 đạt xấp xỉ mức nước dâng bình thường (379,83m/MNDBT380m), đây là điều kiện thuận lợi cho công tác sản xuất điện và xả nước phục vụ cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân vùng hạ du.

+ Nhận thức của đồng bào hạ du, của chính quyền địa phương về công tác vận hành các công trình thủy điện ngày càng được nâng cao theo hướng tích cực.

+ Đội ngũ CBCNV của Công ty có đủ khả năng tiếp thu kỹ thuật công nghệ cũng như kiến thức quản lý tiên tiến trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- Khó khăn, thách thức:

+ Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, các hình thái thời tiết cực đoan ngày càng xuất hiện nhiều nên gây khó khăn cho công tác vận hành hồ thủy điện nói chung và hồ thủy điện A Vương nói riêng.

+ Sản lượng điện Qc được phân bổ theo tháng nên hạn chế về mặt chiến lược tăng doanh thu từ thị trường điện. Mặt khác, tỷ lệ sản lượng điện thanh toán theo giá Pc Alpha 98% là quá cao, chỉ còn 2% sản lượng (so với sản lượng giao hàng tháng từ NSMO) được tính theo giá thị trường nên đã ảnh hưởng đến doanh thu tăng thêm từ TTĐ.

+ NMTĐ A Vương đã đưa vào vận hành 17 năm, thiết bị và hệ thống công nghệ đã bộc lộ các khiếm khuyết do tuổi thọ thiết bị, để đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy cần phải tăng cường công tác QLKT và vận hành cũng như phải tổ chức đánh giá và lập kế hoạch thay thế dần các thiết bị, hệ thống công nghệ đã lạc hậu, không đảm bảo vận hành an toàn tin cậy trong những năm đến.

+ Chi phí SCL tăng lên đáng kể do phải bổ sung thêm các hạng mục công trình hư hỏng sau mùa mưa năm 2025.

+ Công tác DVKT ngày càng gặp nhiều thách thức do các yếu tố cả khách quan lẫn chủ quan; việc cạnh tranh trong công tác DVKT ngày càng lớn.

3.2. Kế hoạch SXKD năm 2026

3.2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2026

Với những thuận lợi, thách thức nêu trên, căn cứ văn bản số 1913/EVNGENCO2-KH+TH ngày 27/5/2026 của Tổng công ty Phát điện 2, AVC đã lập lại Kế hoạch năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

a. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
1	Hệ số khả dụng	%	96,01
2	Tỷ lệ điện tự dùng sản xuất điện	%	0,3

b. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2026
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	787,000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	601.353
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	362.343
4	Tổng LN trước thuế	Triệu đồng	239.010
5	Cổ tức phân đầu	%	15%

(Chi tiết như Phụ lục 2: Các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026)

3.2.2. Nhận xét về Kế hoạch SXKD năm 2026

- Doanh thu kế hoạch SXKD năm 2026 là 601.353 triệu đồng, giảm 142.320 triệu đồng (giảm 19,14%) so với doanh thu thực hiện năm 2025 chủ yếu do kế hoạch sản lượng điện sản xuất giao năm 2026 là 787 triệu kWh, giảm 210 triệu kWh (giảm 21,06%) so với thực hiện năm 2025.

- Chi phí kế hoạch SXKD năm 2026 là 362.343 triệu đồng, giảm 11,37% so với thực hiện năm 2025 (trong đó chi phí O&M kế hoạch năm 2026 giảm 9,96% so với thực hiện năm 2025).

- Lợi nhuận kế hoạch năm 2026 giảm 28,62% so với thực hiện năm 2025 do sản lượng giao năm 2026 giảm nên doanh thu kế hoạch năm 2026 giảm như phân tích trên.

3.3. Kế hoạch trang bị tài sản cố định

Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2026 nhằm trang bị thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, trang bị bổ sung thiết bị cần thiết trong công tác thí nghiệm, bảo trì NMTĐ A Vương và các công trình điện do Công ty nhận thầu. Tổng giá trị kế hoạch mua sắm, trang bị tài sản cố định năm 2026 là 19.214 triệu đồng (trong đó bao gồm danh mục TSCĐ chuyển tiếp từ kế hoạch 2025 là 3.768 triệu đồng; và Danh mục TSCĐ cần thiết đề xuất trang bị mới năm 2026 là 15.447 triệu đồng).

Chi tiết Danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2026 như Phụ lục 3 kèm theo.

3.4. Kế hoạch giao dịch với người có liên quan năm 2026:

- Thông qua giao dịch với người có liên quan năm 2026:

Trong năm 2026, Công ty cổ phần Thủy điện A Vương dự kiến có phát sinh giao dịch: Tập đoàn Điện lực Việt Nam và người có liên quan về chi trả cổ tức và doanh thu tiền điện dự kiến trên 35% giá trị tổng tài sản của Công ty, Danh sách người có liên quan dự kiến:

STT	Công ty liên quan	Mối quan hệ
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
2	Tổng Công ty phát điện 2	Công ty mẹ
3	Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	Bên liên quan cùng Tổng Công ty
4	Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	Bên liên quan cùng Tổng Công ty
5	Công ty Thủy điện Quảng Trị	Bên liên quan cùng Tổng Công ty
6	Công ty Thủy điện An Khê – Kanak	Bên liên quan cùng Tổng Công ty
7	Công ty Thủy điện Sông Bung	Bên liên quan cùng Tổng Công ty
8	Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	Bên liên quan cùng Tổng Công ty
9	Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	Bên liên quan cùng Tổng Công ty
10	Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	Bên liên quan cùng Tổng Công ty
11	Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan cùng Tập đoàn
12	Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan cùng Tập đoàn
13	Ban QLDA các công trình điện Miền Trung – Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Bên liên quan cùng Tập đoàn
14	Trường Cao Đẳng Điện lực Hồ Chí Minh- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Bên liên quan cùng Tập đoàn
15	Công ty Thủy điện Sông Tranh – Tổng Công ty Phát điện 1	Bên liên quan cùng Tập đoàn
16	Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	Bên liên quan cùng Tập đoàn
17	Công ty CP Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi	Bên liên quan cùng Tập đoàn
18	Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1	Bên liên quan cùng Tập đoàn
19	Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Bên liên quan cùng Tập đoàn
20	Công ty CP EVN Quốc tế	Bên liên quan cùng Tập đoàn
21	Công ty TNHH Thí nghiệm điện Miền nam	Bên liên quan cùng Tập đoàn

4. Kết quả ĐTXD năm 2025 và Kế hoạch ĐTXD năm 2026

4.1. Kết quả ĐTXD năm 2025

4.1.1. Đối với dự án Trụ sở Điều hành sản xuất kinh doanh

Trong năm 2025 Công ty đã thực hiện hoàn thành:

- Công tác lựa chọn nhà thầu Tư vấn thẩm định giá thiết bị và Tư vấn đã thực hiện xong công tác thẩm định giá thiết bị của dự án.
- Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSĐT các gói thầu thi công xây lắp và mua sắm thiết bị.
- Hoàn thành công tác thiết kế, thẩm tra, thẩm duyệt, thẩm định và phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.
- Hoàn thành phê duyệt HSMT và đăng tải HSMT gói thầu XL01: Thi công xây dựng và mua sắm, lắp đặt toàn bộ thiết bị công trình thuộc dự án Trụ sở Điều hành sản xuất kinh doanh Công ty CPTĐ A Vương.

Giá trị giải ngân dự án Trụ sở ĐHSXKD năm 2025 là 1.045 triệu đồng/Giá thực hiện dự án Trụ sở ĐHSXKD năm 2025 là 1.070 triệu đồng.

4.1.2. Dự án mở rộng công suất NMTĐ A Vương (MRAV) và Dự án thủy điện tích năng A Vương (TNAV)

Dự án MRAV và TNAV đã được Chính phủ phê duyệt bổ sung vào quy hoạch điện VIII tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025.

a. Đối với dự án mở rộng công suất NMTĐ A Vương:

+ Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu Tư vấn khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án MRAV.

+ Hoàn thành nghiệm thu thanh quyết toán gói thầu Tư vấn khảo sát, đánh giá, lập báo cáo nghiên cứu dự án mở rộng công suất Nhà máy thủy điện A Vương và bổ sung dự án vào Quy hoạch điện VIII. Giá trị nghiệm thu thanh quyết toán trước thuế là 403 triệu đồng.

b. Đối với Dự án thủy điện tích năng A Vương:

+ Hoàn thành báo cáo đánh giá hiệu quả dự án thủy điện TNAV theo các phương án công suất 300MW, 1050MW.

+ Làm việc với các cơ quan chức năng để xin hướng dẫn thực hiện các thủ tục điều chỉnh công suất dự án thủy điện tích năng A Vương từ 300MW lên 1050MW.

4.1.3. Giá trị thực hiện ĐTXD năm 2025 so với kế hoạch giao

Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2025 là 1.070 triệu đồng/kế hoạch giao là 1.092 triệu đồng, đạt 98,0% kế hoạch (*chưa bao gồm dự án AVMR do dự án này đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (chưa phê duyệt chủ trương đầu tư)*).

4.2. Kế hoạch ĐTXD năm 2026

4.2.1. Các dự án đầu tư xây dựng năm 2026

a. Đối với dự án Trụ sở Điều hành sản xuất kinh doanh

Trong năm 2026, Công ty dự kiến hoàn thành công tác thi công móng cọc; thi công kết cấu phần thân được 2-5 tầng.

b. Đối với Dự án thủy điện A Vương mở rộng

- Hoàn thành thủ tục thông qua, phê duyệt Chủ trương đầu tư và nhà đầu tư; sau đó thực hiện các thủ tục cần thiết để lập hồ sơ BCNCKT và thủ tục tiếp theo của Dự án theo đúng quy định.

- Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cho việc chuẩn bị đầu tư Dự án thủy điện A Vương mở rộng năm 2026 là 2.315 triệu đồng.

c. Dự án thủy điện tích năng A Vương

AVC thực hiện các thủ tục đánh giá lại tính hiệu quả kinh tế - tài chính với công suất 300MW (quy hoạch giảm công suất so với nghiên cứu ban đầu).

4.2.2. Dự án viễn thông và các Dự án nâng cấp tài sản cố định

(1) Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất trong toàn Tổng công Phát điện 2. Tổng mức đầu tư dự án là 7.590 triệu đồng. Phạm vi thực hiện: Thiết kế chi tiết; Cung cấp và thực hiện công tác triển khai xây lắp, lắp đặt hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cài đặt phần mềm, hiệu chỉnh vật tư, thiết bị; và bảo hiểm công trình cho dự án. Thời gian thực hiện Hợp đồng là 240 ngày (dự

kiến từ tháng 06/2026 đến 04/2027). Năm 2026 dự kiến giải ngân 50% giá trị Hợp đồng.

(2) Dự án sửa chữa, cải tạo đường vận hành khu nhà máy hạng mục Xử lý sạt lở taluy âm tại Km5+850. Quy mô xử lý dự kiến 11.402 triệu đồng: Xây dựng mới cầu bê tông tại vị trí km5+850 thay thế đoạn nền đường bị sạt lở, kết hợp phần đường vượt nổi hai đầu cầu

(3) Dự án sửa chữa, cải tạo đường vận hành khu nhà máy hạng mục Xử lý sạt lở taluy âm tại Km0+900; Xử lý sạt lở taluy âm tại Km3+950; Sửa chữa đoạn đường qua suối Balang tại lý trình Km0+350. Trong đó:

+ Xử lý sạt lở taluy âm tại Km0+900. Quy mô xử lý dự kiến 3.157 triệu đồng trong đó: Sửa chữa lớn phục hồi phần mặt đường, móng đường bị hư hỏng 526 triệu đồng và ĐTXD: Bổ sung phần tường chắn/kè gia cố chân mái taluy 2.631 triệu đồng.

+ Xử lý sạt lở taluy âm tại Km3+950. Quy mô xử lý dự kiến 2.121 triệu đồng trong đó: Sửa chữa lớn sửa chữa phần lề đường, hạ lưu cống bị hư hỏng 530 triệu đồng và ĐTXD: Bổ sung phần tường chắn/kè gia cố chân mái taluy 1.591 triệu đồng.

+ Sửa chữa đoạn đường qua suối Balang tại lý trình Km0+350. Quy mô xử lý dự kiến 3.157 triệu đồng trong đó: Sửa chữa lớn sửa chữa phục hồi phần đường cũ bị hư hỏng, sạt lở; khơi thông dòng chảy thượng hạ lưu suối 1.052 triệu đồng và ĐTXD: Bổ sung cống thoát nước (cống hộp BTCT) qua đường tại vị trí sạt lở đường 2.105 triệu đồng.

(4) Dự án sửa chữa, cải tạo nhà nghỉ ca hạng Xử lý sạt lở mái taluy dương sau khu nhà nghỉ ca. Quy mô ĐTXD dự kiến 1.087 triệu đồng: Xây mới tường chắn rọ đá dạng tường chờ để phòng ngừa đất đá sạt lở xuống khu nhà nghỉ ca.

(5) Dự án sửa chữa, cải tạo đường đi nhà van hạng mục xử lý lún sụt nền đường tại Km2+030. Xử lý lún sụt nền đường tại Km2+030. Quy mô xử lý dự kiến 2.146 triệu đồng trong đó: Sửa chữa lớn sửa chữa phục hồi phần đường cũ bị hư hỏng, lún sụt 1.073 triệu đồng và ĐTXD: Bổ sung kết cấu tường chắn/kè chân mái taluy 1.073 triệu đồng.

(6) Dự án sửa chữa, cải tạo đường ống áp lực hạng mục xây dựng bậc cấp đường ống áp lực. Quy mô ĐTXD dự kiến 409 triệu đồng: Xây mới bậc cấp bên phải tuyến đường ống áp lực phục vụ công tác quản lý vận hành và công tác SCBD.

Các dự án nâng cấp tài sản cố định (SCL có tính chất nâng cấp) từ mục (2) đến (6) với tổng mức đầu tư là 20.298 triệu đồng: Công ty dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án nâng cấp TSCĐ này trước 31/12/2026, và hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán trong Quý I năm 2027, dự kiến giá trị giải ngân nguồn vốn cho các dự án nâng cấp TSCĐ này trong năm 2026 là 13.624 triệu đồng (*trong đó giải ngân cho các gói thầu xây lắp là 70% giá trị Hợp đồng và giải ngân cho gói thầu tư vấn là 90% giá trị Hợp đồng*).

4.2.3. Kế hoạch vốn ĐTXD năm 2026

Chi tiết Kế hoạch vốn ĐTXD năm 2026 theo từng dự án như phụ lục 4 kèm theo.

5. Đề xuất, kiến nghị:

5.1. Để đảm bảo hoạt động SXKD tại AVC được thực hiện liên tục, hiệu quả đề nghị ĐHĐCĐ: *Giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện và quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài Kế hoạch SXKD – Kế hoạch ĐTXD đã được ĐHĐCĐ năm 2026 thông qua hoặc các vấn đề, nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua Kế hoạch SXKD – Kế hoạch ĐTXD năm 2027 và phải báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất.*

5.2. Để đảm bảo việc triển khai thủ tục đầu tư của Dự án thủy điện A Vương mở rộng được thực hiện theo đúng quy định đề nghị ĐHĐCĐ thông qua chủ trương cho phép nghiên cứu đầu tư và nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và nhà đầu tư của dự án thủy điện A Vương mở rộng như sau:

- + Tên dự án: Dự án thủy điện A Vương mở rộng.
- + Quy mô công suất: 105,0 MW; Số tổ máy: 01.
- + Địa điểm xây dựng: xã Bến Hiên, thành phố Đà Nẵng.
- + Sơ bộ TMDT: 2.912,227 tỷ đồng.
- + Cơ cấu nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty CP Thủy điện A Vương (20%), Vốn vay (80%).
- + Giai đoạn thực hiện: 2026 - 2031.
- + Dự án dự kiến mang lại hiệu quả về tài chính tại phương án cơ sở với NPV = 232,43 tỷ đồng, EIRR = 12 %, B/C = 1,10 và thời gian hoàn vốn 19 năm.

(Chi tiết như hồ sơ kèm theo tờ trình 906/TTr-TĐAV ngày 28/5/2026).

Trên đây là kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2025, chỉ tiêu kế hoạch năm 2026, kính đề nghị Đại hội xem xét, thảo luận và quyết nghị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, TKCT, KHVT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lưu Ngọc Mai Phi

Phụ lục 1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
1	Sản lượng điện sản xuất	triệu kWh	739	997,005
2	Tự dùng, tổn thất	triệu kWh	5	3,02
3	Sản lượng điện thương phẩm	triệu kWh	734	993,988
4	Giá bán điện	đồng/kWh		
	- Giá bán điện TTĐ trước thuế phí			
	- Giá bán điện bình quân		803	694,4
5	Doanh thu	triệu đồng	590.061	694.759
	- Doanh thu hoạt động SXKD điện		589.512	690.255
	- Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)	triệu đồng	549	4.504
6	Chi phí	triệu đồng	323.814	375.227
	Nhiên liệu	triệu đồng	0	0
	Vật liệu	triệu đồng	9.446	5.459
	Lương và BH	triệu đồng	35.172	50.952
	- Tiền lương	triệu đồng	30.702	44.406
	- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	triệu đồng	4.470	6.546
	Khấu hao TSCĐ (chưa tính tới việc đánh giá lại tài sản)	triệu đồng	94.340	94.192
	Dịch vụ mua ngoài	triệu đồng	13.888	12.980
	- Chi phí mua điện	triệu đồng	2.467	2.057
	- Các khoản DVMN khác	triệu đồng	11.421	10.923
	Chi phí SCL	triệu đồng	25.969	24.666
	Chi phí bằng tiền	triệu đồng	144.998	186.979
	- Thuế tài nguyên	triệu đồng	77.221	108.334
	- Phí dịch vụ môi trường rừng	triệu đồng	26.436	35.784
	- Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	triệu đồng	9.623	9.623
	- Thuế đất	triệu đồng	13	38
	- Lãi tiền vay	triệu đồng	0	0
	- Ăn ca	triệu đồng	955	1.444
	- Dự phòng TCMVL	triệu đồng	0	60
	- Chi phí bằng tiền khác	triệu đồng	30.750	31.697
7	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay hạch toán chi phí SXKD điện)	triệu đồng	266.247	319.532
8	Các khoản tăng, giảm giá thành điện	triệu đồng	0	0
9	Lợi nhuận SXKD điện (sau tăng, giảm các khoản trên)	triệu đồng	266.247	319.532
10	Lợi nhuận SXKD điện (không bao gồm chênh lệch tỷ giá)	triệu đồng	266.247	319.532
11	Giá thành điện bình quân	đồng/kWh	441	377
12	HĐ Tài chính (không lãi vay)	triệu đồng		
	Doanh thu	triệu đồng	5.523	11.970

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
	Lợi nhuận	triệu đồng	5.523	11.970
13	HĐ Sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)	triệu đồng		
	Doanh thu	triệu đồng	15.077	36.943
	Chi phí	triệu đồng	13.663	33.580
	<i>Trong đó trích lập dự phòng nợ khó đòi</i>	triệu đồng		(2.994)
	Lợi nhuận	triệu đồng	1.414	3.363
14	Tổng cộng lợi nhuận	triệu đồng	273.184	334.865

Phụ lục 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
1	Sản lượng điện sản xuất	triệu kWh	787,000
2	Tự dùng	triệu kWh	2,36
3	Sản lượng điện thương phẩm	triệu kWh	784,639
4	Giá bán điện	đồng/kWh	
	- Giá Pc		553,1
	- Giá bán điện bình quân		711,6
5	Doanh thu sản xuất điện	triệu đồng	565.346
	- Doanh thu hoạt động SXKD điện		558.334
	- Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)		7.012
6	Chi phí sản xuất điện	triệu đồng	335.265
	Nhiên liệu	triệu đồng	0
	Vật liệu	triệu đồng	13.434
	Lương và BH	triệu đồng	38.101
	- Tiền lương	triệu đồng	33.805
	- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	triệu đồng	4.297
	Khấu hao TSCĐ	triệu đồng	95.700
	Dịch vụ mua ngoài	triệu đồng	24.590
	- Chi phí mua điện	triệu đồng	2.470
	- Các khoản DVMN khác	triệu đồng	22.120
	Chi phí SCL	triệu đồng	8.388
	Chi phí bằng tiền	triệu đồng	155.052
	- Thuế tài nguyên	triệu đồng	86.470
	- Phí dịch vụ môi trường rừng	triệu đồng	28.247
	- Phí cấp quyền khai thác TNN	triệu đồng	9.623
	- Thuế đất	triệu đồng	77
	- Lãi tiền vay	triệu đồng	0
	- Ăn ca	triệu đồng	1177
	- Dự phòng TCMVL	triệu đồng	0
	- Chi phí bằng tiền khác	triệu đồng	29.458
7	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay hạch toán CPSXKD điện)	triệu đồng	230.081
8	Các khoản tăng, giảm giá thành điện	triệu đồng	
	Chênh lệch tỷ giá	triệu đồng	
9	Lợi nhuận sản xuất điện (sau tăng, giảm các khoản trên)	triệu đồng	230.081
10	Lợi nhuận SXKD điện (không bao gồm chênh lệch tỷ giá)		230.081
11	Giá thành điện bình quân	đồng/kWh	427
12	HĐ tài chính (không lãi vay)	triệu đồng	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
	Doanh thu	triệu đồng	7.581
	- Thu LN từ Công ty cổ phần	triệu đồng	7.581
	- Lãi tiền gửi	triệu đồng	
	- Lãi và phí cho vay lại	triệu đồng	
	- Khác		
	Chi phí	triệu đồng	
	Lợi nhuận	triệu đồng	7.581
13	HĐ sản xuất khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)	triệu đồng	
	Doanh thu	triệu đồng	28.426
	Chi phí	triệu đồng	27.077
	Lợi nhuận	triệu đồng	1.349
14	Tổng cộng lợi nhuận	triệu đồng	239.010
15	Tổng cộng lợi nhuận (không bao gồm CLTG)	triệu đồng	239.010

Phụ lục 3: DANH MỤC ĐẦU TƯ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2026

STT	Hạng mục
A	<i>Hạng mục chuyển tiếp</i>
1	Máy Hút chân không MBA đáp ứng hút chân không MBA 110/220/500 kV 63/250/300 MVA
2	Thang máy tại nhà máy
3	Camera CP PLUS
B	<i>Hạng mục năm kế hoạch 2026</i>
I	Máy móc, thiết bị
1	Máy biến áp 1 pha 0,4/38,5kV
2	TU 1 pha 38,5kV(0,11/38,5)
3	TU 1 pha 220kV(0,11/230kV
4	Thiết bị đo PD Online Tủ Trung thế cầm tay
5	Cuộn kháng đi kèm CPC 100 để đo Tang MF
6	Camera PD
7	Thiết bị dò lỗi mạch từ Stator (máy đo từ thông tản)
8	Điều hòa phòng trong nhà máy
9	Máy điều hòa phòng ĐKTT 50.000 BTU
10	Điều hòa phòng Rơ le 50.000 BTU
11	Laptop kỹ thuật chuyên dùng
12	Bơm điện thủy lực căng Bulông Wren
13	Máy cắt plasma Jasic Cut 125 L312
14	Máy hàn cáp quang và phụ kiện
15	Máy đo suy hao quang
16	Ô tô tải (có cần cẩu)
17	Xe 7 chỗ
18	Xe ô tô 16 chỗ
II	Nhà cửa, công trình xây dựng
III	Khác
1	Phần mềm quản lý phòng thí nghiệm 17025
2	Phần mềm tích hợp trí tuệ nhân tạo phục vụ giám sát, cảnh báo và dự báo mưa, thời tiết, lưu lượng khu vực hồ thủy điện A Vương.
3	Thiết bị IPS
4	Trang bị lắp đặt hệ thống thiết bị truyền dữ liệu về Cơ quan PCCC
5	Thay thế 8 trạm đo mưa và di dời 4 trạm đo mưa trên lưu vực hồ A Vương
6	Lắp đặt camera quan sát an toàn khu đồi phía sau nhà nghỉ ca
7	Dự phòng thay thế TSCĐ cố định khác

PHỤ LỤC 4
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2026

TT	Nội dung	KH ĐTXD năm 2026		
		Vốn vay thương mại	Vốn tự có	Tổng cộng
1	Dự án Thủy điện A Vương mở rộng		2.315	2.315
2	Dự án Trụ sở ĐHSXKD		44.539	44.539
3	Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất trong toàn Tổng công ty Phát điện 2 - Phạm vi đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		3.795	3.795
4	Dự án sửa chữa, cải tạo đường vận hành khu nhà máy hạng mục Xử lý sạt lở taluy âm tại Km5+850		7.300	7.300
5	Dự án sửa chữa, cải tạo đường vận hành khu nhà máy hạng mục Xử lý sạt lở taluy âm tại Km0+900; Xử lý sạt lở taluy âm tại Km3+950; Sửa chữa đoạn đường qua suối Balang tại lý trình Km0+350		4.494	4.494
6	Dự án sửa chữa, cải tạo nhà nghỉ ca hạng Xử lý sạt lở mái taluy dương sau khu nhà nghỉ		778	778
7	Dự án sửa chữa, cải tạo đường đi nhà van hạng mục xử lý lún sụt nền đường tại Km2+030		766	766
8	Dự án sửa chữa, cải tạo đường ống áp lực hạng mục xây dựng bậc cấp đường ống áp lực		286	286
	TỔNG CỘNG		64.274	64.274

Phụ lục 5: NỘI DUNG PHÁT SINH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung công việc	Giá trị cho phép	Giá trị Hợp đồng (trước thuế)	Giá trị quyết toán	Ghi chú
1	Tài trợ kinh phí cho thành phố Đà Nẵng khắc phục hậu quả thiên tai lũ lụt	100	100	100	PR 12088 BIDV ngày 10/12/2025. (UBMTTQVN TP Đà Nẵng)
2	Thực hiện công tác vẽ đảo tạo và tìm hiểu thực tế tại Cộng hòa Pháp và Cộng hòa Hà Lan về Chiến lược phát triển trung tâm giám sát và điều khiển từ xa (RMCC) cho nhà máy điện	7.046	6.280	6.280	- Quyết định số 2225/QĐ-TĐAV ngày 29/10/2025. - Hợp đồng số 2242/2025/HĐ-TĐAV-VIETSTAR ngày 30/10/2025.
3	Cung cấp vật tư, công cụ dụng cụ thay thế cho 02 bộ làm mát dầu OHD&OD Máy phát Tổ máy H1 và H2	1.440	1.259	Chưa quyết toán	- Quyết định số 1746/QĐ-TĐAV ngày 03/9/2025. - Hợp đồng số: 13/2026/HĐ-TĐAV-NEWAY, ngày 09/3/2026.
	Tổng cộng	8.586	7.639	6.380	

Phụ lục 6: NỘI DUNG CÔNG VIỆC XIN THỰC HIỆN TRƯỚC KẾ HOẠCH 2026

STT	Nội dung công việc	Văn bản cho phép thực hiện	Giá trị cho phép (tr.đồng)	Văn bản dự toán	Hợp đồng	
					Số	Giá trị (tr.đồng)
I	Những hạng mục AVC triển khai theo phân cấp		28.062			18.831
1	Sửa chữa lớn hệ thống thiết bị quan trắc đập RCC – Thủy điện A Vương.	Tờ trình số 111/KHVT ngày 03/7/2025 (đợt 1)	4.639	1231/QĐ-TĐAV ngày 30/6/2025	HD2500151475_2509250753 ngày 25/09/2025	3.624
2	Sửa chữa lớn phần xây dựng - Xử lý nứt bề mặt bê tông cửa nhận nước.	Đề xuất số 137/KHVT ngày 22/8/2025 (đợt 2)				
-	Gói tư vấn		247	1262/QĐ-TĐAV ngày 02/7/2025	2090/20225/HĐ-TĐAV-VKH ngày 15/10/2025	247
-	Công tác thi công xử lý		2.000	262/QĐ-TĐAV ngày 25/02/2026	22/2026/HĐ-TĐAV-PG ngày 20/4/2026	1.507
3	Dịch vụ trực bảo vệ 24/24 giờ cho Trung tâm Bảo trì Thủy điện và Dịch vụ Kỹ thuật tại xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng.	Đề xuất số 147/KHVT ngày 16/9/2025 (đợt 3)	272	1602/QĐ-TĐAV ngày 13/8/2025	2173/2025/HĐ-TĐAV-AN ngày 22/10/2025	213
4	Sửa chữa nhà van – NMTD A Vương	Đề xuất số 152/KHVT ngày 01/10/2025 (đợt 4)	147	1499/QĐ-TĐAV ngày 30/07/2025	06/2026/HĐ-TĐAV-QĐ ngày 14/01/2026	148
5	Phát quang phòng chống cháy mùa khô năm 2026 Nhà máy thủy điện A Vương.	Đề xuất số 152/KHVT ngày 01/10/2025 (đợt 4)	113	1830/QĐ-TĐAV ngày 15/09/2025	HD2500209151_2512081414 ngày 12/12/2025	73

STT	Nội dung công việc	Văn bản cho phép thực hiện	Giá trị cho phép (tr.đồng)	Văn bản dự toán	Hợp đồng	
					Số	Giá trị (tr.đồng)
6	Tiểu tu Tổ máy H1, Tiểu tu Tổ máy H2, Tiểu tu trạm 220kV, Tiểu tu các hệ thống công nghệ chung trong Nhà máy và Tiểu tu Cơ khí thủy công theo RCM năm 2026 - Nhà máy Thủy điện A Vương	Đề xuất số 152/KHVT ngày 01/10/2025 (đợt 4)	9.379	1900/QĐ-TĐAV ngày 24/09/2025	19/2026/HĐ-TĐAV-FCOM ngày 09/4/2026 GT - 44/2025	1.884
		Đề xuất số 152/KHVT ngày 01/10/2025 (đợt 4)			11/2026/HĐ-TĐAV-TMB-PKB ngày 04/02/2026; GT - 43/2025	2.034
		Đề xuất số 152/KHVT ngày 01/10/2025 (đợt 4)			10/2026/HĐ-TĐAV-TMB ngày 30/01/2026	145
7	Quan trắc biến dạng công trình Nhà máy Thủy điện A Vương – Chu kỳ 10	Đề xuất số 152/KHVT ngày 01/10/2025 (đợt 4)	1.226	Quyết định số 1931/QĐ-TĐAV ngày 30/09/2025	2635/2025/HĐ-TĐAV-PSC ngày 10/12/2025; 2889/2025/PLHD-TĐAV-PSC ngày 31/12/2025	965
8	Khảo sát quan trắc tình trạng bồi lắng lòng hồ và sạt lở bờ hồ, hồ chứa NMTĐAV – Chu kỳ 3	Đề xuất số 176/KHVT ngày 30/10/2025 (đợt 5)	1.700	561/QĐ-TĐAV ngày 26/03/2025	04/2026/HĐ-TĐAV-Liendanh PSC-TV ngày 07/01/2026	1.356
9	Trang bị giải pháp Quản trị hiệu suất tài sản “Phân tích dựa theo nhận dạng mẫu nâng cao APR – Smartsignal@” tại Công ty CP Thủy điện A Vương	Đề xuất số 176/KHVT ngày 30/10/2025 (đợt 5)	980	2176/QĐ-TĐAV ngày 23/10/2025	2558/2025/PLHD-TĐAV-S5T ngày 8/12/2025	866
10	Duy tu đường vận hành NMTĐ A Vương năm 2026	Đề xuất số 176/KHVT ngày 30/10/2025 (đợt 5)	735	2194/QĐ-TĐAV ngày 27/10/2025	19/2026/HĐ-TĐAV-KTVINA ngày 07/04/2026	475
11	Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2026	Đề xuất số 176/KHVT ngày 30/10/2025 (đợt 5)	632	2237/QĐ-TĐAV ngày 30/10/2025	2666/2025/HĐ-TĐAV-BV-VASS ngày 12/12/2025	632

STT	Nội dung công việc	Văn bản cho phép thực hiện	Giá trị cho phép (tr.đồng)	Văn bản dự toán	Hợp đồng	
					Số	Giá trị (tr.đồng)
12	Thuê tư vấn pháp lý hỗ trợ hoạt động công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh	Đề xuất số 176/KHVT ngày 30/10/2025 (đợt 5)	90	2240/QĐ-TĐAV ngày 30/10/2025	Phụ lục HD 01 ngày 03/12/2025	90
13	Cung cấp dịch vụ vệ sinh, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh và dịch vụ nấu ăn năm 2026	Đề xuất số 185/KHVT ngày 07/11/2025 (đợt 6)	997	2297/QĐ-TĐAV ngày 07/11/2025	2571/2025/HĐ-TĐAV-A VI ngày 9/12/2025	935
14	Tư vấn xây dựng và trình thẩm định 1 hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT (cấp độ 4) cho hệ thống điều khiển các NMD EVNGENCO2 tại AVC	Đề xuất số 185/KHVT ngày 07/11/2025 (đợt 6)	414	2301/QĐ-TĐAV ngày 07/11/2025	Dang tiến hành lựa chọn nhà thầu (EVNGENCO2 thực hiện đấu thầu tập trung)	
15	Quan trắc môi trường tại Công trình Thủy điện A Vương, Cơ sở sản xuất TT BTTĐ&DVKT, Nhà nghỉ ca và Khu trụ sở điều hành ca kíp năm 2026	Đề xuất số 200/KHVT ngày 20/11/2025 (đợt 7)	46	1993/QĐ-TĐAV ngày 04/10/2025	012026/QTMT2026/HETC/AVUONG	25
16	Cung cấp vật tư, vật liệu năm 2026	Đề xuất số 200/KHVT ngày 20/11/2025 (đợt 7)	270	2376/QĐ-TAV ngày 14/11/2025	2866/2025/HĐ-TĐAV-TMB ngày 30/12/2025	270
17	Cung cấp vật tư và dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị thí nghiệm Hóa dầu cho NMTĐ A Vương	Đề xuất số 200/KHVT ngày 20/11/2025 (đợt 7)	529	2383/QĐ-TAV ngày 17/11/2025	05/2026/HĐ-TĐAV-TBV ngày 14/01/2026	447
18	Cung cấp công cụ dụng cụ năm 2026	Đề xuất số 200/KHVT ngày 20/11/2025 (đợt 7)	430	2395/QĐ-TAV ngày 19/11/2025	2843/2025/HĐ-TĐAV-NHH ngày 29/12/2025	361

STT	Nội dung công việc	Văn bản cho phép thực hiện	Giá trị cho phép (tr.đồng)	Văn bản dự toán	Hợp đồng	
					Số	Giá trị (tr.đồng)
19	Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị thí nghiệm năm 2026 cho NMTPĐ A Vương	Đề xuất số 200/KLIVT ngày 20/11/2025 (đợt 7)	440	2396/QĐ-TAV ngày 19/11/2025	03/2026/HĐ-TĐAV-TEV ngày 07/01/2026	298
20	Thuê đơn vị tư vấn luật thực hiện tư vấn pháp lý cho CBCNV trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2026	Đề xuất số 200/KHVT ngày 20/11/2025 (đợt 7)	171	2400/QĐ-TAV ngày 19/11/2025	2568/2025/HĐ-TĐAV-THA ngày 09/12/2025	153
21	Phun phủ cần xi lanh điều khiển cửa van cung số 01 Dập tràn (hiệu chỉnh) theo công nghệ HVOF Tungsten	30/KHVT ngày 7/2/2026	2.606	2337/QĐ-TAV ngày 07/02/2026	12/2026/HĐ-TĐAV-VINAOFIC ngày 06/3/2026	2.084
II	Những hạng mục EVNGENCO2 thông qua theo phân cấp		40.145			17.278
22	Sửa chữa lớn phần xây dựng NMTPĐAV năm 2026 (phần bổ sung):					
22.1	Danh mục đường vận hành khu nhà máy: Xử lý sạt lở taluy âm tại Km5+850	622/FVNGFENCO2+K11+T11 ngày 01/3/2028				
-	Gói thầu tư vấn: Khảo sát, lập phương án kỹ thuật		458	2779/QĐ-TAV ngày 25/12/2025	14/2026/HĐ-TĐAV-TVXD23 ngày 16/3/2026	434
-	Gói thầu xây lắp		9.722			

STT	Nội dung công việc	Văn bản cho phép thực hiện	Giá trị cho phép (tr.đồng)	Văn bản dự toán	Hợp đồng	
					Số	Giá trị (tr.đồng)
22.2	Danh mục đường vận hành khu nhà máy: Xử lý sạt lở taluy âm tại Km0+900	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2032	157			
-	Tư vấn khảo sát, lập Phương án kỹ thuật			2848/QĐ-TĐAV ngày 29/12/2025	24/2026/HD-TĐAV-TV23 24/4/2026	119
-	Phân xây lấp: Sửa chữa lớn Danh mục đường vận hành khu nhà máy: Xử lý sạt lở taluy âm tại Km0+900		3.000			
22.3	Danh mục đường vận hành khu nhà máy: Xử lý sạt lở taluy âm tại Km3+950	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2033				
-	Tư vấn khảo sát, lập Phương án kỹ thuật		121	2848/QĐ-TĐAV ngày 29/12/2025	24/2026/HD-TĐAV-TV23 24/4/2026	104
-	Sửa chữa lớn Danh mục đường vận hành khu nhà máy: Xử lý sạt lở taluy âm tại Km3+950 (phần xây lấp)		2.000			
22.4	Danh mục đường vận hành từ nhà máy qua nhà nghỉ ca: Sửa chữa đoạn đường qua suối Balan tại lý trình Km0+350	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2037				
-	Tư vấn khảo sát, lập Phương án kỹ thuật		157	2848/QĐ-TĐAV ngày 29/12/2025	24/2026/HD-TĐAV-TV23 24/4/2026	119

STT	Nội dung công việc	Văn bản cho phép thực hiện	Giá trị cho phép (tr.đồng)	Văn bản dự toán	Hợp đồng	
					Số	Giá trị (tr.đồng)
-	Sửa chữa lớn Danh mục đường vận hành từ nhà máy qua nhà nghỉ ca: Sửa chữa đoạn đường qua suối Balan tại lý trình Km0+350 (phần xây lấp).	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2038	3.000			
22.5	Danh mục nhà nghỉ ca: Xử lý sạt lở mái taluy dương sau khu nhà nghỉ ca					
-	Từ vấn khảo sát, lập Phương án kỹ thuật	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2039	87	2848/QĐ-TĐAV ngày 29/12/2025	24/2026/HĐ-TĐAV-TV23 ngày 24/4/2026	72
-	Sửa chữa lớn Danh mục nhà nghỉ ca: Xử lý sạt lở mái taluy dương sau khu nhà nghỉ ca (phần xây lấp).		1.000			
22.6	Danh mục đường đi nhà van: Xử lý lún sụt nền đường tại Km2+030					
-	Từ vấn khảo sát, lập Phương án kỹ thuật	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2042	146	2848/QĐ-TĐAV ngày 29/12/2025	24/2026/HĐ-TĐAV-TV23 ngày 24/4/2026	120
-	Sửa chữa lớn Danh mục đường đi nhà van: Xử lý lún sụt nền đường tại Km2+030 (phần xây lấp).		2.000			
23	Sửa chữa van tuabin tổ máy H2 (Theo kết quả phân tích đánh giá RCM)	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2045	6.759	1053/QĐ-TAV ngày 12/06/2025	03/2026/HĐ-TĐAV-VATCO ngày 14/5/2026	6.481

STT	Nội dung công việc	Văn bản cho phép thực hiện	Giá trị cho phép (tr.đồng)	Văn bản dự toán	Hợp đồng	
					Số	Giá trị (tr.đồng)
24	Khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV năm 2026	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2046	567	2852/QĐ-TAV ngày 30/12/2025	15/2026/HĐ-TĐAV-GĐ ngày 24/3/2026	533
25	Đào tạo thanh thải đất đá sạt lở, bồi lấp trước tường rọ đá tại Cửa nhận nước - NMTD A Vương	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2047	768	2846/QĐ-TAV ngày 29/12/2025	29/2026/HĐ-TĐAV-TP ngày 14/5/2026	609
26	Mua bộ lọc thô hệ thống nước kỹ thuật NMTD A Vương năm 2026	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2048	2.623	2854/QĐ-TAV ngày 30/12/2025	25/2026/HĐ-TĐAV-FCOM ngày 28/4/2026	1.334
27	Mua sắm TSCD thuộc gói thầu "Trang bị thiết bị phục vụ công tác thí nghiệm, bảo trì tại Công ty CP Thủy điện A Vương"	622/EVNGENCO2+KH+TH ngày 01/3/2049	6.981	2337/QĐ-TAV ngày 11/11/2025	26/2026/HĐ-TĐAV-LD ngày 28/4/2026	6.752
28	Hỗ trợ nhà đại đoàn kết cho các hộ nghèo trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng	806/EVNGENCO2+KH+TH ngày 13/3/2026	600	216/QĐ-TĐAV ngày 07/02/2026	Đã chuyển kinh phí hỗ trợ cho địa phương 180trđ, dự kiến hoàn thành hỗ trợ trong 6/2026	600
	TỔNG CỘNG		68.206			36.109

Số: 906/TTr-TĐAV

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v thông qua nội dung hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và nhà
đầu tư Dự án: Thủy điện A Vương mở rộng

Kính gửi: Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-TĐAV ngày 30/6/2025 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương về việc ban hành Quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương;

Căn cứ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án thủy điện A Vương mở rộng do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 lập tháng 4/2026;

Căn cứ Văn bản số 1914/EVNGENCO2-KH-TH ngày 27/5/2026 của Tổng công ty Phát điện 2 về việc thông qua nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và nhà đầu tư của Dự án thủy điện A Vương mở rộng;

Theo đề nghị của Tổ phó Tổ quản lý dự án và đầu tư xây dựng.

Tổng Giám đốc kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua chủ trương cho phép nghiên cứu đầu tư thủy điện A Vương mở rộng, nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và nhà đầu tư của dự án do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 (PECC4) lập tháng 4/2026, được Tổng Công ty thông qua với các nội dung như sau:

I. Thông tin dự án:

1. Tên dự án: Dự án thủy điện A Vương mở rộng.

2. Nhóm dự án, loại, cấp: Nhóm B, Công trình năng lượng, Cấp II.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Bến Hiên, thành phố Đà Nẵng.

4. Nhà đầu tư:

- Tên doanh nghiệp/tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG.**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4000478435; Đăng ký lần đầu: ngày 20/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/10/2025; Cơ quan cấp: Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng.

- Địa chỉ trụ sở: Thôn Dung, xã Thanh Mỹ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Mã số thuế: 4000478435.

5. Tổng mức đầu tư sơ bộ (sau thuế): 2.912.227 triệu đồng.

6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của AVC (20%) + Vốn vay (80%).

7. Thời gian thực hiện dự án: 2026-2031.

II. Nội dung chủ yếu của hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

1. Sự cần thiết phải đầu tư:

- Hiện tại, tổng công suất nguồn NLTT đã được phê duyệt quy hoạch là khoảng 34.300MW, trong đó nguồn điện gió khoảng 11.500MW, nguồn điện mặt trời nổi lưới khoảng 15.200MW và khoảng 7.600MW nguồn điện mặt trời mái nhà. Dự kiến năm 2030, nhu cầu phụ tải toàn Hệ thống điện là 86.500MW (phương án phụ tải cơ sở). Khi đó, tổng công suất nguồn NLTT đã phê duyệt quy hoạch chiếm ~40% công suất phụ tải cực đại và ~50% vào thấp điểm trưa (sau 12h). Do các nguồn NLTT nổi lưới được ưu tiên huy động theo quy định tại cơ chế giá FIT nhưng có đặc tính bất định trong công suất phát, đồng thời mức độ chênh lệch phụ tải quốc gia trong ngày lớn (khoảng 26.000MW vào năm 2030), nên để đảm bảo Hệ thống điện vận hành an toàn, ổn định và tin cậy thì cần phải có các nguồn dự phòng có khả năng điều chỉnh công suất nhanh, dải điều chỉnh rộng để đáp ứng được sự thay đổi nhanh của các nguồn NLTT cũng như phụ tải. Với yêu cầu đặc tính này thì các tổ máy thủy điện là phù hợp nhất.

- Đến thời điểm hiện tại, các vị trí có thể xây dựng nhà máy thủy điện có quy mô công suất lớn (trên 100MW) đã được khai thác hết, nên cần xem xét, nghiên cứu khả năng mở rộng các nhà máy thủy điện hiện hữu, đang vận hành. Ngoài việc đáp ứng nhu cầu vận hành khi tỷ lệ nguồn NLTT tăng cao, việc nghiên cứu mở rộng các nhà máy thủy điện còn nhằm các mục tiêu sau:

+ Tránh phải xả thừa nước của các nhà máy thủy điện vào mùa lũ.

+ Tăng công suất dự phòng, đảm bảo Hệ thống điện vận hành an toàn, ổn định trong các trường hợp sự cố lớn (có nguy cơ xảy ra đối với các trung tâm nhiệt điện).

+ Tăng tính linh hoạt trong vận hành, thêm nguồn để phủ đỉnh và điều chỉnh điện áp, góp phần nâng cao chất lượng điện năng.

+ Giảm chi phí vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, kéo dài tuổi thọ của các tổ máy nhiệt điện do hạn chế việc tăng/giảm, dừng/khởi động tổ máy trong ngày.

+ Giảm chi phí nhiên liệu, và giảm phát thải CO₂ của Hệ thống điện.

Với sự cần thiết của nguồn năng lượng từ thủy điện như phân tích ở trên, việc nghiên cứu mở rộng nhà máy thủy điện A Vương là rất cần thiết.

- Tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quy hoạch điện VIII điều chỉnh), Dự án thủy điện A Vương mở rộng được đưa vào danh mục các dự án thủy điện tăng thêm giai đoạn 2031-2035.

- Tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/05/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 điều chỉnh, Dự án thủy điện A Vương mở rộng được đưa vào kế hoạch thực hiện từ 2031-2035.

2. Các nội dung chính

2.1. Mục tiêu dự án: Khai thác hiệu quả nguồn thủy năng để bổ sung công suất phủ đỉnh và cung cấp điện năng cho hệ thống điện quốc gia

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)
1	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (thủy điện)	3512

2.2. Quy mô dự án:

a. Diện tích dự án khoảng 65,72 ha, cụ thể:

+ Đất lâu dài: 22,20 ha, sử dụng cho các hạng mục nhà máy, tháp điều áp, trạm phân phối và khu cửa hầm thi công vận hành. Trong đó đất rừng phòng hộ là 11,89 ha.

+ Đất tạm thời: 43,52 ha, sử dụng cho các hạng mục đường thi công, hầm thi công, khu phụ trợ, bãi tập kết vật liệu, khu nhà điều hành trong quá trình thi công... Trong đó đất rừng phòng hộ là 34,31 ha, đất rừng sản xuất là 6,11 ha. Đất này sẽ hoàn trả sau khi hoàn thành thi công.

b. Công suất:

+ Công suất nhà máy hiện hữu: 210 MW;

+ Công suất mở rộng: 105 MW;

+ Tổng công suất nhà máy sau mở rộng: 315 MW.

c. Quy mô xây dựng mở rộng:

+ Xây dựng nhà máy thủy điện có quy mô 01 tổ máy, công suất 105 MW;

+ Xây dựng tuyến năng lượng mới (sử dụng chung cửa lấy nước hiện hữu và một đoạn đường hầm dùng chung khoảng 600m) gồm: Đường hầm dẫn nước, tháp điều áp và kênh xả;

- + Xây dựng sân phân phối với sơ đồ tam giác gồm 03 ngăn lộ 220 kV;
- + Xây dựng đường dây 220 kV mạch kép, tiết diện 2xACSR330, có chiều dài khoảng 0,1 km đầu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 220 kV NMTĐ A Vương - Thanh Mỹ hiện có.

2.3. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

a. Tổng vốn đầu tư (trước thuế): **2.687.110 triệu đồng** (bằng chữ: Hai nghìn sáu trăm tám mươi bảy tỷ, một trăm mười triệu đồng), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: **537.522 triệu đồng** (Bằng chữ: Năm trăm ba mươi bảy tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu đồng).

- Vốn huy động: **2.149.688 triệu đồng** (Bằng chữ: Hai nghìn một trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu đồng), trong đó:

+ Vốn vay từ các tổ chức tín dụng: **2.149.688 triệu đồng** (Bằng chữ: Hai nghìn một trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu đồng)

+ Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác: không.

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn): không.

b. Nguồn vốn đầu tư

- Vốn góp để thực hiện dự án: 20% tổng vốn đầu tư

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp (Tr. đồng)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
1	Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	537.522	100%	Tiền mặt	Theo tiến độ thực hiện dự án

- Vốn huy động: 80% tổng vốn đầu tư, vay từ các tổ chức tín dụng. Tương ứng 2.149.688 triệu đồng. Tiến độ dự kiến huy động theo tiến độ thực hiện dự án.

2.4. Thời gian hoạt động của dự án: 70 năm (Dự án thủy điện A Vương mở rộng được thực hiện tại xã Bến Hiên - địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn).

2.5. Tiến độ thực hiện dự án:

- Phê duyệt dự án (FS) : Quý III/2027;

- Khởi công : Quý I/2028;

- Vận hành phát điện : Quý III/2031.

2.6. Đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính - xã hội của dự án

a. Đánh giá hiệu quả kinh tế

PHƯƠNG ÁN		Eo (triệu kWh)		ENPV	EIRR	B/C
	Hiện hữu	Mở rộng	Sau mở rộng	tỷ đồng	%	
PA1: Giá 2 thành phần: chuyển đổi cao điểm linh hoạt phủ đỉnh và giá	737,35	48,72	786,07	244,53	11,07%	1,12

PHƯƠNG ÁN		Eo (triệu kWh)		ENPV	EIRR	B/C
	Hiện hữu	Mở rộng	Sau mở rộng	tỷ đồng	%	
cho điện lượng gia tăng						
PA2: So sánh với Nhiệt điện khí chạy LNG	737,35	48,72	786,07	1546,44	16,58%	1,67
PA3: So sánh với BESS (dự thảo)	737,35	48,72	786,07	444,82	11,91%	1,21

Xét trên bình diện kinh tế tổng thể với phương án mở rộng công suất 105 MW, thủy điện A Vương sau mở rộng sẽ tận dụng nước xả thừa để gia tăng sản lượng điện cho nhà máy, đồng thời dự phòng công suất, chuyển đổi linh hoạt điện lượng trong các giờ thấp điểm, bình thường sang các giờ cao điểm góp phần giúp phụ tải hệ thống phẳng hơn, hệ thống điện làm việc tin cậy hơn, tăng hiệu quả cho thủy điện A Vương. Qua tính toán cho thấy, các chỉ tiêu kinh tế đều đạt ngưỡng hiệu quả (ENPV>0, EIRR>10%, B/C >1) trong cả 03 trường hợp giá điện, khẳng định tính khả thi về mặt kinh tế - xã hội của Dự án thủy điện A Vương mở rộng.

b. Đánh giá hiệu quả tài chính

Trường hợp	NPV (tỷ đồng)	FIRR (%)	B/C	Thời gian hoàn vốn (năm)
Giá điện chung theo TT 12/2025/TT-BCT (948,82 đ/kWh)				
Cơ sở	232,43	12,0%	1,10	19
K tăng 10%	44,71	10,1%	1,02	30
E giảm 10%	2,99	9,7%	1,00	39
K tăng 10% + E giảm 10%	-186,79	8,1%	0,93	Không xác định

Từ các kết quả trên, dự án có khả năng đáp ứng yêu cầu hiệu quả trả nợ và hiệu quả kinh doanh theo quan điểm chủ đầu tư; đồng thời khả năng chịu đựng biến động (vốn tăng/điện lượng giảm) vẫn đảm bảo các chỉ tiêu B/C duy trì lớn hơn 1 theo các kịch bản độ nhạy trong hồ sơ. Giá bán điện sau mở rộng đảm bảo nhỏ hơn trần khung giá thủy điện, cho thấy tính cạnh tranh và hiệu quả của dự án.

c. Đánh giá hiệu quả xã hội - môi trường

- Tác động xã hội và đóng góp phát triển địa phương

+ Dự án có ưu điểm lớn về mặt xã hội: khu vực công trình không có dân cư sinh sống, không phát sinh nhu cầu giải tỏa tái định cư; điều kiện giao thông thuận lợi do gần đường giao thông có sẵn; vật liệu xây dựng gần công trình; giải pháp công trình đơn giản, thuận lợi thi công.

+ Trong thời gian thi công và vận hành, dự án dự kiến sử dụng phần lớn lao động tại địa phương, góp phần tạo việc làm và thu nhập cho người dân. Đồng thời, dự án đóng góp nguồn thu ổn định cho địa phương thông qua các khoản như phí môi trường rừng, thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế VAT.

+ Về hiệu ích năng lượng gắn với an ninh năng lượng, hồ sơ kết luận khi mở rộng 105MW, hằng năm dự án cung cấp thêm khoảng 48,72 triệu kWh và có thể chuyển đổi giờ thấp điểm để phủ đỉnh giờ cao điểm mùa khô khoảng 33,43 triệu kWh, góp phần ổn định hệ thống điện và đảm bảo an ninh năng lượng cho địa phương và quốc gia.

- Tác động môi trường và sử dụng tài nguyên:

+ Khu vực tuyển năng lượng của dự án không có dân cư sinh sống, không phải đền bù giải tỏa dân cư; Dự án không chiếm đất trồng lúa, diện tích chiếm đất vĩnh viễn thuộc rừng phòng hộ chỉ 11,89 ha.

+ Dự án không xây thêm hồ chứa nhân tạo, do đó ảnh hưởng đến môi trường được đánh giá là ít; dòng chảy sau khi qua nhà máy đổ về lại sông Bung 100%. Đây là một ưu điểm quan trọng giúp hạn chế các tác động ngập mớ và các biến đổi lớn về môi trường – sinh thái so với các dự án có hình thức phát triển hồ chứa mới.

3. Các nội dung khác: Chi tiết như hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án thủy điện A Vương mở rộng do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 lập tháng 4/2026, được Tổng Công ty Phát điện 2 thông qua và dự thảo văn bản trình cơ quan có thẩm quyền của TP Đà Nẵng chấp thuận chủ trương đầu tư và nhà đầu tư của Dự án được đính kèm tại đường link:

https://drive.google.com/drive/folders/1cLnM-QvD5bhGES2JRey8sA2qqtTulxSt?usp=drive_link

4. Kiến nghị:

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua chủ trương cho phép nghiên cứu đầu tư Dự án thủy điện A Vương mở rộng, nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và nhà đầu tư của Dự án, đồng thời kiến nghị ĐHĐCĐ giao HĐQT AVC tổ chức triển khai các thủ tục liên quan để trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và thực hiện các thủ tục tiếp theo của Dự án theo đúng quy định.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TGD;
- TKCT;
- KHVT, TCKT, KTAT, VH;
- Lưu: VT, QLDA-ĐTXD.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán



Lưu Ngọc Mai Phi



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN A VƯƠNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3303070337 ngày 20/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (nay là Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh với số đăng ký mới là 4000478435. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/10/2025.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1060/QĐ-SGDHN ngày 29/12/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán AVC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 08/01/2018.

Vốn điều lệ: 750.520.520.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2025: 750.520.520.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn Dung, Xã Thạnh Mỹ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Số điện thoại : (84) 0235.2243731
- Số fax : (84) 0236.3643885
- Website : avuong.com

Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

- Địa chỉ : 143 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại : (84) 0236.2211103
- Fax : (84) 0236.3643885

Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện (thủy điện);
- Cung cấp dịch vụ thí nghiệm điện.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 166 người. Trong đó, cán bộ quản lý chuyên trách là 10 người (bao gồm Ban kiểm soát chuyên trách 3 người).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Lưu Ngọc Mai Phi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03/05/2024
• Ông Cao Huy Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2023
• Ông Đặng Công Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2023
• Ông Đặng Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2023
• Ông Lê Đình Bản	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/05/2024
• Ông Võ Trà Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/05/2024

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Thiện	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2023
• Bà Thái Thị Thanh Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2023
• Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
• Ông Đoàn Trung Thông	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2023 Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
• Ông Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/02/2024 Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
• Ông Phan Công Tuyến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/02/2024 Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Cao Huy Bảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 17/08/2022
• Ông Ngô Xuân Thế	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2022
• Ông Phạm Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024
• Ông Phan Công Tuyến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 556/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 30/03/2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Phan Văn Sĩ – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4040-2022-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		459.592.815.630	305.701.980.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	100.058.173.038	42.094.234.813
1. Tiền	111		1.058.173.038	12.094.234.813
2. Các khoản tương đương tiền	112		99.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6a	162.000.000.000	15.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		162.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		185.063.307.783	242.766.750.863
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	186.314.769.886	247.496.835.458
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	847.246.901	1.510.778.016
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.957.868.757	595.708.987
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.056.577.761)	(6.836.571.598)
IV. Hàng tồn kho	140		11.733.880.146	5.688.820.276
1. Hàng tồn kho	141	11	11.733.880.146	5.688.820.276
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		737.454.663	152.174.933
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	726.442.893	152.174.933
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11.011.770	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		882.304.717.812	955.726.349.380
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		777.684.466.758	853.152.293.265
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	681.731.992.529	755.532.593.931
- Nguyên giá	222		3.383.181.608.360	3.365.605.325.010
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.701.449.615.831)	(2.610.072.731.079)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	95.952.474.229	97.619.699.334
- Nguyên giá	228		105.553.073.589	105.553.073.589
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.600.599.360)	(7.933.374.255)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.083.669.701	1.832.642.642
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	6.083.669.701	1.832.642.642
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		79.800.000.000	79.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	79.800.000.000	79.800.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.736.581.353	20.941.413.473
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	16	18.736.581.353	20.941.413.473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.341.897.533.442	1.261.428.330.265

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		145.547.343.114	176.046.858.916
I. Nợ ngắn hạn	310		145.547.343.114	176.046.858.916
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	12.456.059.998	11.463.873.871
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	1.802.303.286	246.596.645
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	44.352.325.075	40.475.691.643
4. Phải trả người lao động	314		37.336.088.283	19.559.006.106
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	44.366.016.772	96.059.632.965
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	117.214.991	529.692.967
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	5.117.334.709	7.712.364.719
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.196.350.190.328	1.085.381.471.349
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.196.350.190.328	1.085.381.471.349
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	750.520.520.000	750.520.520.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.520.520.000	750.520.520.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	23	31.328.488.188	28.673.080.097
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	133.008.502.335	46.499.630.358
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	281.492.679.805	259.688.240.894
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		49.625.133.659	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		231.867.546.146	259.688.240.894
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.341.897.533.442	1.261.428.330.265

Tổng Giám đốc

Cao Huy Bảo
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Phan Công Tuyến

Người lập biểu

Nguyễn Phước Lễ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	726.464.028.832	752.328.702.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		726.464.028.832	752.328.702.442
4. Giá vốn hàng bán	11	25	357.576.036.065	349.801.346.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		368.887.992.767	402.527.355.973
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	16.474.440.587	7.843.082.931
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	51.124.793.388	43.376.301.515
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		334.237.639.966	366.994.137.389
11. Thu nhập khác	31	28	733.806.250	4.056.085.358
12. Chi phí khác	32	29	106.738.637	583.527.606
13. Lợi nhuận khác	40		627.067.613	3.472.557.752
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		334.864.707.579	370.466.695.141
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	65.471.135.433	73.252.428.247
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		269.393.572.146	297.214.266.894
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.589	3.849
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	3.589	3.849

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

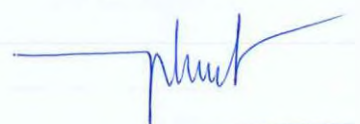
Người lập biểu



Cao Huy Bảo



Phan Công Tuyền




Nguyễn Phước Lễ

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

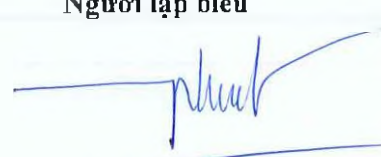
Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		334.864.707.579 ,	370.466.695.141
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	94.491.337.871 ,	90.806.242.548
- Các khoản dự phòng	03		(2.192.471.813) ,	223.583.387
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.752.095.502) ,	(10.149.217.027)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		410.411.478.135 ,	451.347.304.049
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		59.759.096.260 ,	224.694.188.008
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11,16	(3.840.227.750) ,	759.561.360
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		23.079.280.262 ,	(33.859.850.067)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.032.887.579) ,	49.096.414.657
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(59.846.318.561) ,	(64.142.948.901)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		36.250.000 ,	106.880.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.755.521.428) ,	(13.556.763.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		415.811.149.339	614.444.785.855
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12,13,15	(20.403.808.144) ,	(45.781.896.427)
2. Tiền thu từ TLy, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		277.654.915 ,	2.858.372.591
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6a	(283.000.000.000) ,	(110.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6a	136.000.000.000 ,	140.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,26	15.967.865.245 ,	8.614.276.424
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(151.158.287.984)	(4.309.247.412)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20,23cd	(206.688.923.130) ,	(587.661.995.238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(206.688.923.130)	(587.661.995.238)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		57.963.938.225	22.473.543.205
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	42.094.234.813	19.620.691.608
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	100.058.173.038	42.094.234.813

Tổng Giám đốc

Cao Huy Bảo
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Phan Công Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Phước Lễ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3303070337 ngày 20/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (nay là Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh với số đăng ký mới là 4000478435. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/10/2025.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện (thủy điện);
- Cung cấp dịch vụ thí nghiệm điện.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ, vật tư, thiết bị: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	9 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	Hết khấu hao

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời gian được phép sử dụng đất, quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm máy tính	3 – 10

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ. Công ty căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.10 Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Công ty phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Công ty do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm và cung cấp dịch vụ thí nghiệm điện. Năm 2025, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% đối với sản phẩm và dịch vụ này theo quy định tại Nghị quyết 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 và Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	304.158.610	48.406.384
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	754.014.428	12.045.828.429
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	99.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	100.058.173.038	42.094.234.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng	162.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	162.000.000.000	15.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng. Công ty đánh giá rằng các khoản đầu tư này không tồn thất, không suy giảm về giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	31/12/2025			01/01/2025		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Công ty CP Phú Thạnh Mỹ	Đang hoạt động 12,91%	79.800.000.000	-	-	79.800.000.000	-	-
Cộng		79.800.000.000	-	-	79.800.000.000	-	-

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty CP Phú Thạnh Mỹ có lãi; vốn chủ sở hữu bảo toàn tại 31/12/2025 nên Công ty không trích lập dự phòng với khoản đầu tư này. Cổ phiếu Công ty CP Phú Thạnh Mỹ chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Do đó, Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Mua bán điện	158.491.669.499	228.285.268.712
Các đối tượng khác	27.823.100.387	19.211.566.746
Cộng	186.314.769.886	247.496.835.458

Trong đó: phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Mua bán điện	158.491.669.499	228.285.268.712
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung	7.186.993.486	1.516.926.953
Công ty Thủy điện Sông Bung	1.168.873.375	1.706.097.518
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	330.596.201	210.526.771
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.301.618.264	110.389.000
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	140.940.000	-
Công ty Thủy điện Quảng Trị	-	91.426.208
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	-	108.000.000

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	167.747.595	-
Công ty TNHH Máy Thiết bị Việt Phát	270.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ Central	287.464.738	-
Các đối tượng khác	122.034.568	1.510.778.016
Cộng	847.246.901	1.510.778.016

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bảo hiểm phải thu người lao động	234.728.445	-	-	-
Lãi dự thu	926.356.164	-	419.780.822	-
Tạm ứng	1.108.480.000	-	87.400.000	-
Công ty CP Thủy điện Quảng Trị (bên liên quan)	418.699.766	-	-	-
Phải thu khác.	269.604.382	-	88.528.165	-
Cộng	2.957.868.757	-	595.708.987	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2025	Năm 2024
Số dư đầu năm	6.836.571.598	7.052.099.058
Trích lập trong năm	1.214.321.507	2.492.996.020
Hoàn nhập trong năm	(2.994.315.344)	(2.708.523.480)
Số dư cuối năm	5.056.577.761	6.836.571.598

Trong đó: chi tiết dự phòng theo đối tượng nợ:

	31/12/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn thanh toán
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH KTCN Ánh Dương Sài Gòn	1.050.928.934	339.014.083	1 năm đến dưới 2 năm, 2 năm đến dưới 3 năm
Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 3	119.965.461	59.982.730	1 năm đến dưới 2 năm
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	438.360.791	306.852.554	6 tháng đến dưới 1 năm
Công ty CP EPC Điện Mặt trời Việt Nam	339.082.547	-	2 năm đến dưới 3 năm
Sở Công Thương Quảng Nam (liên danh các CĐT, SCT đứng ra làm đầu mối)	1.112.472.909	333.741.873	2 năm đến dưới 3 năm
Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 11 tại Miền Nam	321.898.000	96.569.400	2 năm đến dưới 3 năm
Chi nhánh 5 - Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	206.363.012	-	trên 3 năm
Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam	906.932.302	-	trên 3 năm
Công ty CP Lilama 45.3	1.533.552.627	-	trên 3 năm
Công ty TNHH Nhất Nước	163.181.818	-	trên 3 năm
Cộng	6.192.738.401	1.136.160.640	

	01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn thanh toán
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH KTCN Ánh Dương Sài Gòn	952.251.920	476.125.960	1 năm đến dưới 2 năm
Công ty CP Xây dựng EVN Quốc tế 1	102.816.000	51.408.000	1 năm đến dưới 2 năm
Công ty CP Thủy điện Nước Biều	100.000.000	100.000.000	1 năm đến dưới 2 năm
Chi nhánh 5 - Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	60.000.000	18.000.000	1 năm đến dưới 2 năm
Sở Công Thương Quảng Nam (liên danh các CĐT, SCT đứng ra làm đầu mối)	2.612.472.909	1.306.236.454	1 năm đến dưới 2 năm
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Trung	148.775.647	74.387.823	1 năm đến dưới 2 năm
Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 11 tại Miền Nam	321.898.000	160.949.000	1 năm đến dưới 2 năm
Công ty CP Xây lắp điện 4 - Miền Trung	45.000.000	22.500.000	1 năm đến dưới 2 năm
Công ty CP EPC Điện Mặt trời Việt Nam	339.082.547	101.724.764	1 năm đến dưới 2 năm
Công ty CP Năng lượng điện Á Châu	2.240.102.659	672.030.798	2 năm đến dưới 3 năm
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Vương Thái Sơn	165.639.513	49.691.854	2 năm đến dưới 3 năm
Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam	1.406.932.302	422.079.691	2 năm đến dưới 3 năm
Công ty CP Lilama 45.3	1.633.552.627	-	trên 3 năm
Công ty TNHH Nhất Nước	163.181.818	-	trên 3 năm
Cộng	10.291.705.942	3.455.134.344	

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ phải thu được xác định bằng giá gốc trừ đi mức dự phòng đã trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.201.013.315	-	3.986.443.428	-
Công cụ, dụng cụ	26.440.000	-	57.776.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.506.426.831	-	1.644.600.848	-
	11.733.880.146	-	5.688.820.276	-

Không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2025.
Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm luân chuyển tại ngày 31/12/2025.

12. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí bảo hiểm	133.412.982	97.093.021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	584.003.933	-
Các khoản khác	9.025.978	55.081.912
Cộng	726.442.893	152.174.933

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.951.739.307.801	1.330.011.339.360	34.335.801.049	49.081.420.956	437.455.844	3.365.605.325.010
Tăng trong năm	-	2.734.218.431	4.489.319.058	1.290.909.091	-	8.514.446.580
Đ/tư XDCB h/thành	10.705.572.533	-	-	-	-	10.705.572.533
Thanh lý, nhượng bán	-	53.000.000	1.590.735.763	-	-	1.643.735.763
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.962.444.880.334	1.332.692.557.791	37.234.384.344	50.372.330.047	437.455.844	3.383.181.608.360
Khấu hao						
Số đầu năm	1.264.324.189.830	1.298.762.461.541	31.007.971.692	15.540.652.172	437.455.844	2.610.072.731.079
Khấu hao trong năm	77.688.828.131	5.637.106.621	628.515.914	9.066.169.849	-	93.020.620.515
T/ly, nhượng bán	-	53.000.000	1.590.735.763	-	-	1.643.735.763
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.342.013.017.961	1.304.346.568.162	30.045.751.843	24.606.822.021	437.455.844	2.701.449.615.831
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	687.415.117.971	31.248.877.819	3.327.829.357	33.540.768.784	-	755.532.593.931
Số cuối năm	620.431.862.373	28.345.989.629	7.188.632.501	25.765.508.026	-	681.731.992.529

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 1.362.347.175.023 đồng.

Không có Tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	85.349.048.857	13.719.090.909	6.484.933.823	105.553.073.589
Phân loại lại	-	(13.719.090.909)	13.719.090.909	-
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	85.349.048.857	-	20.204.024.732	105.553.073.589
Khấu hao				
Số đầu năm	849.555.391	896.166.422	6.187.652.442	7.933.374.255
Phân loại lại	-	(896.166.422)	896.166.422	-
Khấu hao trong năm	49.871.328	-	1.617.353.777	1.667.225.105
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	899.426.719	-	8.701.172.641	9.600.599.360
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	84.499.493.466	12.822.924.487	297.281.381	97.619.699.334
Số cuối năm	84.449.622.138	-	11.502.852.091	95.952.474.229

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 6.326.653.823 đồng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
Sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành	3.389.875.235	931.255.616
Dự án Trụ sở điều hành sản xuất kinh doanh	2.290.677.086	901.387.026
Dự án Thủy điện A Vương mở rộng	403.117.380	-
Cộng	6.083.669.701	1.832.642.642

16. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vật tư, thiết bị phụ tùng dự phòng cho hoạt động của nhà máy thủy điện	18.736.581.353	-	20.941.413.473	-
Cộng	18.736.581.353	-	20.941.413.473	-

Không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Vật tư & Thiết bị Công nghiệp	1.724.594.000	1.831.703.932
Tập đoàn điện lực Việt Nam	149.891.929	1.911.680.465
Công ty TNHH MTV DTKT	1.269.344.304	134.200.000
Công ty CP Thương mại và Kỹ thuật Hải Linh	2.455.853.712	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	2.201.599.937	143.587.415
Các đối tượng khác	4.654.776.116	7.442.702.059
Cộng	12.456.059.998	11.463.873.871

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	2.201.599.937	143.587.415
Công ty CP EVN Quốc Tế	700.000.000	700.000.000
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	458.217.789	122.837.850
Tập đoàn điện lực Việt Nam	149.891.929	1.911.680.465
Công ty Thủy điện Sông Bung - TCT Phát điện 2 - CTCP	20.533.824	17.825.452
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	-	150.717.971
Công ty Điện lực Quảng Nam	-	3.404.651

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Ban QLDA Truyền Tải Điện - Chi nhánh TCT Truyền Tải Điện Quốc Gia	378.121.392	-
Công ty TNHH Năng Lượng Môi Trường EB (Thừa Thiên Huế)	100.960.599	-
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh TCT Phát điện 1	831.471.795	-
Dongfang Electric International Corporation	419.089.500	-
Ban QLDA các công trình Điện miền Nam - Chi nhánh TCT Truyền tải điện Quốc gia	72.660.000	-
Các đối tượng khác	-	246.596.645
Cộng	1.802.303.286	246.596.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
				Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	7.513.957.379	45.654.882.082	46.879.990.582	-	6.288.848.879
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.807.058.855	65.471.135.433	59.846.318.561	-	16.431.875.727
Thuế thu nhập cá nhân	265.859.112	3.744.767.693	3.409.373.249	-	601.253.556
Thuế tài nguyên	10.795.326.513	108.334.337.922	109.478.746.414	-	9.650.918.021
Phí dịch vụ môi trường rừng	11.093.489.784	35.783.564.760	35.497.625.652	-	11.379.428.892
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	9.623.229.000	9.623.229.000	-	-
Các loại thuế, phí và lệ phí khác	-	154.671.474	165.683.244	11.011.770	-
Cộng	40.475.691.643	268.766.588.364	264.900.966.702	11.011.770	44.352.325.075

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	44.709.724	82.599.174
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho chủ sở hữu	37.526.026.000	94.110.845.130
- Tổng công ty Phát điện 2 - CTCP (bên liên quan)	32.815.130.500	89.386.574.200
- Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (bên liên quan)	1.289.534.500	1.289.534.500
- Các đối tượng khác	3.421.361.000	3.434.736.430
Phải trả khác	6.795.281.048	1.866.188.661
Cộng	44.366.016.772	96.059.632.965

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Dự phòng bảo hành công trình	117.214.991	529.692.967
Cộng	117.214.991	529.692.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chủ yếu trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả cho người lao động theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
Số đầu năm	7.712.364.719	6.202.428.307
Phân phối lợi nhuận trong năm (thuyết minh số 23c)	8.320.749.167	15.181.922.875
Tiền khen thưởng từ các bên thứ ba	36.250.000	106.880.000
Sử dụng trong năm	(10.755.521.428)	(13.556.763.251)
Trích khấu hao TSCĐ phúc lợi	(196.507.749)	(222.103.212)
Số cuối năm	5.117.334.709	7.712.364.719

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2024	750.520.520.000	28.673.080.097	-	548.694.318.661
Tăng trong năm	-	-	46.499.630.358	297.214.266.894
Giảm trong năm	-	-	-	586.220.344.661
Số dư tại 31/12/2024	750.520.520.000	28.673.080.097	46.499.630.358	259.688.240.894
Số dư tại 01/01/2025	750.520.520.000	28.673.080.097	46.499.630.358	259.688.240.894
Tăng trong năm	-	2.655.408.091	89.164.280.068	269.393.572.146
Giảm trong năm	-	-	2.655.408.091 (*)	247.589.133.235
Số dư tại 31/12/2025	750.520.520.000	31.328.488.188	133.008.502.335	281.492.679.805

(*) Sử dụng nguồn Quỹ Đầu tư phát triển để đầu tư thiết bị đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho Văn phòng Công ty theo Quyết định số 141/QĐ-TĐAV ngày 26/01/2026 của Tổng Giám đốc

b. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.052.052	75.052.052
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.052.052	75.052.052
- Cổ phiếu phổ thông	75.052.052	75.052.052
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.052.052	75.052.052
- Cổ phiếu phổ thông	75.052.052	75.052.052
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	259.688.240.894	548.694.318.661
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	269.393.572.146	297.214.266.894
Phân phối lợi nhuận (*)	247.589.133.235	586.220.344.661
Phân phối lợi nhuận năm trước	210.063.107.235	548.694.318.661
- Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	112.578.078.000	487.012.765.428
- Trích quỹ đầu tư phát triển	89.164.280.068	46.499.630.358
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	8.320.749.167	15.181.922.875
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	37.526.026.000	37.526.026.000
- Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	37.526.026.000	37.526.026.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	281.492.679.805	259.688.240.894

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 1184/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết HĐQT số 125/NQ-HĐQT ngày 11/12/2025.

d. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 ngày 26/06/2025 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm 2024 với tỷ lệ là 20% (tương ứng với 150.104.104.000 đồng). Trong đó:

- ✓ Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 cho cổ đông với tỷ lệ 5% (tương ứng với 37.526.026.000 đồng) theo Nghị quyết HĐQT số 160/NQ-HĐQT ngày 27/11/2024.
- ✓ Đến ngày 15/12/2025, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng số cổ tức còn lại (số tiền: 112.578.078.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ 15%). Ngày chi trả là 25/12/2025 (theo Thông báo số 2498/TB-TĐAV ngày 01/12/2025).

Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 cho cổ đông với tỷ lệ 5% tương ứng với 37.526.026.000 đồng theo Nghị quyết HĐQT số 125/NQ-HĐQT ngày 11/12/2025. Ngày đăng ký cuối cùng 30/12/2025, ngày thanh toán dự kiến ngày 30/03/2026.

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán điện thương phẩm	690.254.735.790	725.087.197.458
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.209.293.042	27.241.504.984
Cộng	726.464.028.832	752.328.702.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn điện thương phẩm	322.322.619.314	323.903.398.267
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.253.416.751	25.897.948.202
Cộng	357.576.036.065	349.801.346.469

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi	4.504.440.587	3.055.082.931
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.970.000.000	4.788.000.000
Cộng	16.474.440.587	7.843.082.931

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí tiền lương	23.970.488.180	19.054.443.496
Chi phí khấu hao	226.295.574	137.515.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.624.966.227	6.551.222.384
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.779.993.837)	(215.527.460)
Các khoản khác	22.083.037.244	17.848.647.319
Cộng	51.124.793.388	43.376.301.515

28. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	277.654.915	34.892.591
Phạt vi phạm hợp đồng	83.815.779	448.394.186
Hoàn nhập dự phòng bảo hành gói thầu	48.354.395	-
Thu nhập từ thanh lý vật tư, thiết bị	19.245.371	55.277.778
Các khoản khác	304.735.790	3.517.520.803
Cộng	733.806.250	4.056.085.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí thanh lý vật tư	5.198.700	9.877.200
Các khoản khác	101.539.937	573.650.406
Cộng	106.738.637	583.527.606

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	334.864.707.579	370.466.695.141
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(8.477.464.124)	(4.322.766.992)
- Điều chỉnh tăng	3.492.535.876	465.233.008
+ Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	276.570.000	308.826.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.215.965.876	156.407.008
- Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	11.970.000.000	4.788.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	326.387.243.455	366.143.928.149
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	65.471.135.433	73.252.428.247
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	65.277.448.691	73.228.785.630
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	193.686.742	23.642.617

31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	269.393.572.146	297.214.266.894
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(8.320.749.167)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	8.320.749.167
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	269.393.572.146	288.893.517.727
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	75.052.052	75.052.052
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)	3.589	3.849

(*) Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên không quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ này). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, Hội đồng quản trị sẽ đề xuất trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 1184/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025, cụ thể như sau:

	Năm 2024	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	297.214.266.894	297.214.266.894
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(8.320.749.167)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	8.320.749.167
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	297.214.266.894	288.893.517.727
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	75.052.052	75.052.052
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	3.960	3.849

32. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.189.555.711	12.316.670.118
Chi phí nhân công	71.913.400.406	56.781.322.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.403.693.423	90.806.242.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.143.010.663	12.315.420.485
Chi phí khác bằng tiền	218.912.995.233	220.375.650.426
Cộng	415.562.655.436	392.595.306.070

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện (thủy điện) và cung cấp dịch vụ thí nghiệm điện. Trong đó, doanh thu, lợi nhuận gộp và tài sản của hoạt động cung cấp dịch vụ thí nghiệm điện chiếm tỷ lệ nhỏ hơn 10% trong tổng doanh thu, lợi nhuận gộp và tổng tài sản của Công ty. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 24 và số 25.

Công ty hoạt động trong một bộ phận địa lý chính là Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngắn hạn. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng tại Công ty chủ yếu liên quan đến nợ phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng. Với đặc thù sản xuất điện tại Việt Nam, khách hàng lớn nhất của công ty là Công ty Mua bán điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Tiền gửi ngắn hạn của Công ty chủ yếu tại các ngân hàng lớn, có uy tín (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân, Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Thủ Đức II, Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Đà Nẵng,...).

Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng của công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	12.456.059.998	-	12.456.059.998
Phải trả khác	44.321.307.048	-	44.321.307.048
Cộng	56.777.367.046	-	56.777.367.046
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.463.873.871	-	11.463.873.871
Phải trả khác	95.977.033.791	-	95.977.033.791
Cộng	107.440.907.662	-	107.440.907.662

Ban Tổng Giám đốc cho rằng hiện Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin rằng Công ty đủ nguồn lực để kiểm soát được các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.058.173.038	-	100.058.173.038
Phải thu khách hàng	181.258.192.125	-	181.258.192.125
Đầu tư tài chính	162.000.000.000	79.800.000.000	241.800.000.000
Phải thu khác	1.849.388.757	-	1.849.388.757
Cộng	445.165.753.920	79.800.000.000	524.965.753.920
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.094.234.813	-	42.094.234.813
Phải thu khách hàng	240.660.263.860	-	240.660.263.860
Đầu tư tài chính	15.000.000.000	79.800.000.000	94.800.000.000
Phải thu khác	508.308.987	-	508.308.987
Cộng	298.262.807.660	79.800.000.000	378.062.807.660

35. Các cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất như sau:

- Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng số 105/HĐ-TĐ ngày 07/10/2013, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 138/PLHĐ-TĐ ngày 23/12/2015, diện tích thuê 167.290,3 m², tại Xã Mã Cooih- huyện Đông Giang và TT Thạnh Mỹ-huyện Nam Giang-tỉnh Quảng Nam, mục đích sử dụng: XD Nhà máy, nhà ở CBCNV, Khu phụ trợ TĐTT – NMTĐ A Vương.
- Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng số 105/HĐ-TĐ ngày 07/10/2013, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 138/PLHĐ-TĐ ngày 23/12/2015, diện tích thuê 10.707,3 m², Xã Mã Cooih- huyện Đông Giang- tỉnh Quảng Nam, mục đích sử dụng: XD nhà Ban A (Khu nhà ở kỹ sư, công nhân thực tập quản lý vận hành, sửa chữa) – NMTĐ A Vương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng số 105/HĐ-TĐ ngày 07/10/2013, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 138/PLHĐ-TĐ ngày 23/12/2015, diện tích thuê 36.006,6m², Xã Mã Cooih- huyện Đông Giang- tỉnh Quảng Nam, mục đích sử dụng: XD Trạm phân phối NMTĐ A Vương.
- Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng số 105/HĐ-TĐ ngày 07/10/2013, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 138/PLHĐ-TĐ ngày 23/12/2015, diện tích thuê 29.112,5 m², Xã Mã Cooih- huyện Đông Giang- tỉnh Quảng Nam, mục đích sử dụng: XD Kho chứa thiết bị -NMTĐ A Vương.
- Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng số 105/HĐ-TĐ ngày 07/10/2013, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 138/PLHĐ-TĐ ngày 23/12/2015, diện tích thuê 381.996,1m², Xã Mã Cooih- huyện Đông Giang- tỉnh Quảng Nam, mục đích sử dụng: XD đường giao thông -NMTĐ A Vương.
- Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng số 105/HĐ-TĐ ngày 07/10/2013, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 138/PLHĐ-TĐ ngày 23/12/2015, diện tích thuê 39.296,7 m², Xã Mã Cooih- huyện Đông Giang- tỉnh Quảng Nam, mục đích sử dụng: XD Nhà van, tháp điều áp, tuyến ống nghiêng-NMTĐ A Vương.
- Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng số 545/HĐ-TĐ ngày 14/11/2011, diện tích thuê 9.416.000m², Xã Mã Cooih- huyện Đông Giang và Xã Dang- huyện Tây Giang- tỉnh Quảng Nam, mục đích sử dụng: XD Hồ chứa nước-NMTĐ A Vương.
- Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng số 544/HĐ-TĐ ngày 14/11/2011, diện tích thuê 960 m², Xã Mã Cooih- huyện Đông Giang - tỉnh Quảng Nam, mục đích sử dụng: XD Khu nhà trực A Sờ - Nhà trực đèn bù -NMTĐ A Vương.
- Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng số 657/HĐ-TĐ ngày 11/12/2012, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 36/PLHĐ-TĐ ngày 10/7/2023, diện tích thuê 24.970 m², Xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, mục đích sử dụng: XD Cơ sở sản xuất -TTBTĐ&DVKT-NMTĐ A Vương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan có giao dịch trong năm

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty phát điện 2	Công ty mẹ
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	Bên liên quan trong cùng Tổng Công ty
Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	Bên liên quan trong cùng Tổng Công ty
Công ty Thủy điện Quảng Trị - Tổng Công ty phát điện 2 - CTCP	Bên liên quan trong cùng Tổng Công ty
Công ty Thủy điện An Khê - Kanak - Tổng Công ty phát điện 2 - CTCP	Bên liên quan trong cùng Tổng Công ty
Công ty Thủy điện Sông Bung - Tổng Công ty phát điện 2 - CTCP	Bên liên quan trong cùng Tổng Công ty
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ - Tổng Công ty phát điện 2 - CTCP	Bên liên quan trong cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	Bên liên quan trong cùng Tổng Công ty
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	Bên liên quan trong cùng Tổng Công ty
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Quảng Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn
Công ty CP EVN Quốc tế	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Nam	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

	Giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
Công ty Mua bán điện	Bán điện	690.254.735.790	725.087.197.458
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	Cung cấp dịch vụ	2.223.507.962	3.898.643.912
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	Cung cấp dịch vụ	353.416.364	132.921.863
	Mua dịch vụ	-	121.047.974
Công ty Thủy điện Quảng Trị	Cung cấp dịch vụ	-	1.693.077.926
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	1.609.337.697	1.770.074.506
Tổng Công ty phát điện 2	Mua dịch vụ	2.756.400.000	2.734.173.348
	Cổ tức đã trả	187.831.965.700	506.798.716.724
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Cổ tức đã trả	5.158.138.000	22.138.728.296
Công ty Điện lực Quảng Nam	Mua điện	93.960.610	180.434.467
Công ty Thủy điện Sông Bung - Tổng Công ty phát điện 2 - CTCP	Cung cấp dịch vụ	5.453.602.730	4.085.420.838
Công ty Truyền tải điện 2	Cung cấp dịch vụ	27.600.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1	Cung cấp dịch vụ	1.606.936.129	120.175.000
Công ty CP EVN Quốc tế	Mua dịch vụ	65.454.543	87.272.724
	Cung cấp dịch vụ	-	144.000.000
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	Mua điện	296.588.887	292.470.695
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung - TCT Điện lực Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	9.820.327.629	2.302.307.565
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Mua dịch vụ	2.987.686.050	102.928.300
	Cung cấp dịch vụ	-	301.944.590
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Nam	Mua dịch vụ	138.000.000	-
Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh	Mua dịch vụ	41.227.778	36.538.888
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	512.279.079	150.717.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
Thù lao và lương Hội đồng quản trị			
Lưu Ngọc Mai Phi	Chủ tịch từ ngày 01/02/2024	733.772.000	390.199.000
Nguyễn Xuân Diện	Chủ tịch từ ngày 27/06/2023 đến ngày 01/02/2024	-	7.339.000
Cao Huy Bảo	Thành viên	118.734.000	-
Đặng Công Hòa	Thành viên	593.679.000	483.944.000
Đặng Thanh Bình	Thành viên	118.734.000	88.068.000
Võ Trà Dũng	Thành viên từ ngày 03/05/2024	593.679.000	322.590.000
Lê Đình Bán	Thành viên từ ngày 03/05/2024	593.679.000	322.590.000
Ngô Việt Hưng	Thành viên đến ngày 03/05/2024	-	29.650.000
Trần Thanh Hường	Thành viên từ ngày 01/02/2024 đến ngày 03/05/2024	-	22.311.000
Thù lao và lương Ban kiểm soát			
Nguyễn Thiện	Trưởng ban	615.038.000	505.456.000
Đoàn Trung Thông	Thành viên đến ngày 26/06/2025	39.102.000	88.068.000
Thái Thị Thanh Nga	Thành viên từ ngày 27/06/2023	593.679.000	483.944.000
Phan Công Tuyền	Thành viên từ ngày 01/02/2024 đến ngày 26/06/2025	195.521.000	443.615.000
Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên từ ngày 01/02/2024 đến ngày 26/06/2025	39.102.000	80.729.000
Lê Trọng Nghĩa	Thành viên từ ngày 26/06/2025	79.632.000	-
Lương, thưởng của Ban điều hành và người quản lý khác			
Cao Huy Bảo	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	609.038.000	548.504.000
Ngô Xuân Thế	Phó Tổng Giám đốc	587.679.000	486.316.000
Phạm Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/02/2024	587.679.000	486.316.000
Phan Công Tuyền	Kế toán trưởng từ ngày 26/06/2025	388.903.000	-
Đoàn Văn Châu	Kế toán trưởng đến ngày 1/12/2024	-	408.514.000

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.


Tổng Giám đốc

Cao Huy Bảo
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Phan Công Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Phước Lễ

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương;
Căn cứ Nghị quyết số 1184/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 về Nghị quyết
ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương;
Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

I. CƠ CẤU NHÂN SỰ CỦA HĐQT CÔNG TY:

HĐQT Công ty hoạt động với 06 thành viên, bao gồm:

1. Ông Lưu Ngọc Mai Phi - Chủ tịch HĐQT.
2. Ông Cao Huy Bảo - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
3. Ông Lê Đình Bản – Thành viên HĐQT chuyên trách.
4. Ông Đặng Công Hòa - Thành viên HĐQT chuyên trách.
5. Ông Võ Trà Dũng - Thành viên HĐQT chuyên trách.
6. Ông Đặng Thanh Bình - Thành viên HĐQT.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

2.1. Khái quát hoạt động của HĐQT

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Năm 2025, HĐQT đã thực hiện họp HĐQT và có **66** lượt lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản, ban hành **130** Nghị quyết thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; Hoạch định kế hoạch

kinh doanh theo quý, năm; Giải quyết các vấn đề về đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. Đã ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định đúng chức trách nhiệm vụ của HĐQT.

2.2. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền lợi liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

HQĐT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP và người lao động trong Công ty, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Căn cứ điều lệ Công ty và các quy chế quản lý điều hành Công ty, HĐQT đã thường xuyên kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HQĐT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT cũng đã tham gia vào những hoạt động quan trọng về chiến lược kinh doanh, cơ chế làm việc và một số vấn đề kinh doanh khác.

Hoạt động của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp, kịp thời; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng giám đốc.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận của các cổ đông.

Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định về nội dung.

2.3. Kết quả thực hiện năm 2025:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 ngày 26 tháng 6 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Công ty xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty đã duy trì nhiều năm qua, cụ thể như sau:

a. Kết quả hoạt động SXKD:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty so với Nghị quyết ĐHĐCĐ cụ thể như sau:

+ Điện sản xuất : 997,005 triệu kWh (đạt 135,91%KH)

- + Tổng doanh thu : 743,672 tỷ đồng (đạt 121,78%KH)
- + Chi phí : 408,808 tỷ đồng (đạt 121,14%KH)
- + Lợi nhuận trước thuế : 334,865 tỷ đồng (đạt 122,58%% KH).

b. Công tác ĐTXD:

- Dự án xây dựng Trụ sở điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong năm 2025 Công ty đã thực hiện hoàn thành phê duyệt HSMT và đăng tải HSMT gói thầu XL01: Thi công xây dựng và mua sắm, lắp đặt toàn bộ thiết bị công trình thuộc dự án Trụ sở ĐHSXKD Công ty CPTĐ A Vương.

Giá trị giải ngân dự án Trụ sở ĐHSXKD năm 2025 là 1.045 triệu đồng/Giá thực hiện dự án Trụ sở ĐHSXKD năm 2025 là 1.070 triệu đồng.

- Đối với các dự án nguồn điện của Công ty (Dự án Mở rộng công suất NMTĐ A Vương và Thủy điện tích năng A Vương): Dự án MRÁV và TNAV đã được Chính phủ phê duyệt bổ sung vào quy hoạch điện VIII tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025.

+ Đối với dự án mở rộng công suất NMTĐ A Vương: Hoàn thành nghiệm thu thanh quyết toán gói thầu Tư vấn khảo sát, đánh giá, lập báo cáo nghiên cứu dự án mở rộng công suất Nhà máy thủy điện A Vương và bổ sung dự án vào Quy hoạch điện VIII. Giá trị nghiệm thu thanh quyết toán trước thuế là 403 triệu đồng.

+ Đối với Dự án thủy điện tích năng A Vương: Hoàn thành báo cáo đánh giá hiệu quả dự án thủy điện TNAV theo các phương án công suất 300MW, 1050MW. Làm việc với các cơ quan chức năng để xin hướng dẫn thực hiện các thủ tục điều chỉnh công suất dự án thủy điện tích năng A Vương từ 300MW lên 1050MW.

Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2025 là 1.070 triệu đồng/kế hoạch giao là 1.092 triệu đồng, đạt 98,0% kế hoạch (*chưa bao gồm dự án AVMR do dự án này đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (chưa phê duyệt chủ trương đầu tư)*).

c. Các nhiệm vụ khác:

Thực hiện đúng và hoàn thành tốt tất cả các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đề ra.

- Công tác quản lý vận hành NMTĐ A Vương trong năm 2025 được thực hiện an toàn, hiệu quả. Các tổ máy luôn đảm bảo đáp ứng theo huy động của NSMO và xả nước phục vụ hạ du theo kế hoạch đã thống nhất với Địa phương.

- Sản lượng điện sản xuất năm 2025 đạt 134,91% so với sản lượng kế hoạch giao nhờ mực nước hồ đầu năm 2025 đạt gần mực nước dâng bình thường, thủy văn năm 2025 thuận lợi, đồng thời nhờ thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật, bảo trì và vận hành nên trong năm 2025 hai Tổ máy vận hành an toàn, liên tục, tin cậy (không có sự cố) và luôn đáp ứng theo huy động của NSMO.

- Doanh thu năm 2025 là 743,672 tỷ đồng, đạt 121,78%, trong đó doanh thu SXĐ đạt 694,759 tỷ đồng nhờ sản lượng điện phát cao và hiệu quả từ việc chào giá trên thị trường điện.

- Tổng chi phí năm 2025 cao hơn kế hoạch 21,14%, trong đó chi phí SXĐ tăng 15,88% so với kế hoạch (tăng 51,41 tỷ đồng) chủ yếu do thuế phí thực hiện năm 2025 cao hơn kế hoạch (do sản lượng điện sản xuất năm 2025 cao hơn 34,91% so với kế hoạch giao).

- Lợi nhuận năm 2025 đạt 334,865 tỷ đồng/kế hoạch giao là 273,184 tỷ đồng, đạt 122,58% so với kế hoạch. Trong đó, lợi nhuận sản xuất điện là 319,532 tỷ đồng, đạt 120,01% kế hoạch.

Tình hình tài chính của Công ty ổn định và duy trì ở mức an toàn, công tác thanh toán được thực hiện đúng quy định. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2025 đạt chỉ tiêu giao, cụ thể như sau: Nợ phải trả/VCSH: 0,12 lần (≤ 3); Hệ số bảo toàn vốn: 1,13 lần (≥ 1); Khả năng thanh toán ngắn hạn: 3,16 lần (> 1).

Giá cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán dao động từ 50.000÷55.000 đồng/cổ phiếu, cao hơn so với cùng kỳ do kết quả SXKD tốt.

Trong năm 2025, Công ty cổ phần Thủy điện A Vương có phát sinh giao dịch: Tập đoàn Điện Điện lực Việt Nam và người có liên quan về chi trả cổ tức và doanh thu tiền điện trên 35% giá trị tổng tài sản của Công ty.

d. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị:

Tổng tiền lương (gồm tiền ATĐ), thù lao của HĐQT cụ thể như sau:

- CT. HĐQT chuyên trách: 733.772.000 đồng
- TV. HĐQT chuyên trách: 1.781.037.000 đồng
- TV.HĐQT không chuyên trách: 237.468.000 đồng.

e. Chi trả cổ tức năm 2025:

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo chi trả hoàn thành cổ tức năm 2024 cho cổ đông và đã thực hiện Tạm ứng cổ tức đợt 1 (5%) năm 2025.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

I. NHÂN SỰ TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2026, HĐQT công ty hoạt động theo cơ cấu **06** thành viên bao gồm: **01** Chủ tịch HĐQT, **01** Thành viên HĐQT kiêm TGD, **03** Thành viên HĐQT chuyên trách, **01** Thành viên không chuyên trách HĐQT.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU TRONG NĂM 2026

Đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ:

- Hoàn thành vượt Kế hoạch sản xuất kinh doanh điện 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

- + Sản lượng điện sản xuất: 787,000 triệu kWh.
- + Tổng doanh thu: 601,353 tỷ đồng.
- + Tổng chi phí: 362,343 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 239,010 tỷ đồng.

- Cổ tức: Công ty phấn đấu cổ tức năm 2026 đạt 15% vốn điều lệ.

- Kế hoạch ĐTXD :

+ Đối với dự án Trụ sở Điều hành sản xuất kinh doanh: trong năm 2026 công ty dự kiến hoàn thành công tác thi công móng cọc; thi công kết cấu phần thân được 2-5 tầng. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng Trụ sở Điều hành sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương năm 2026 là 44.539 triệu đồng.

+ Dự án mở rộng công suất NMTĐ A Vương và Dự án Thủy điện tích năng A Vương: Triển khai thủ tục xin chủ trương đầu tư xây dựng đối với dự án Mở rộng công suất NMTĐ A Vương và ký hết hợp đồng tư vấn lập BCNCKT dự án. Đối với dự án Thủy điện tích năng A Vương, AVC thực hiện các thủ tục đánh giá lại tính hiệu quả kinh tế - tài chính với công suất 300MW (quy hoạch giảm công suất so với nghiên cứu ban đầu). Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cho việc chuẩn bị đầu tư 2 dự án Mở rộng công suất NMTĐ A Vương và Thủy điện tích năng A Vương năm 2026 là 2.315 triệu đồng.

+ Dự án viễn thông và các Dự án nâng cấp tài sản cố định: Công ty dự kiến thu xếp vốn để bố trí cho nhu cầu đầu tư thuần trong năm 2026 đối với các Dự án nâng cấp TSCĐ là 17.419 triệu đồng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Chỉ đạo tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống quản trị của Công ty, tổ chức nghiên cứu các mô hình quản trị phù hợp với Công ty để tiến hành triển khai áp dụng nhằm nâng cao chất lượng hệ thống quản trị.

Chỉ đạo hoàn thành Đề án Cách mạng khoa học công nghệ 4.0 giai đoạn tiếp theo.

Quan tâm công tác cán bộ, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nhân lực kỹ thuật; nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp.

HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ năm 2026, cụ thể:

- Tổ chức sắp xếp lại lao động các Đơn vị, bộ phận; tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Nâng cao chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa, ... đảm bảo các Tổ máy, hệ thống thiết bị, công trình an toàn ổn định, sẵn sàng vận hành phát điện; giảm tỉ lệ điện tự dùng và tổn thất điện năng so với kế hoạch đề ra.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống Lụt bão, phòng chống Cháy nổ, bảo vệ Môi trường.


- Sử dụng có hiệu quả cao nguồn lực lao động, nguồn lực tài chính; thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch tối ưu hóa chi phí; nâng cao năng suất lao động.

- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống Tham nhũng, đẩy mạnh Quy chế dân chủ cơ sở, phát huy tinh thần đoàn kết trong Công ty, quan tâm đến Người lao động, phúc lợi Xã hội; xây dựng Văn hóa phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

IV. KẾT LUẬN:

Năm 2025, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ; đoàn kết, trách nhiệm cùng Ban Tổng giám đốc, Người lao động hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông giao. Hội đồng Quản trị cam kết tiếp tục nỗ lực cùng tập thể cán bộ Lãnh đạo và toàn thể Người lao động khắc phục khó khăn, thách thức để hoàn thành tốt nhất các mục tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm 2026.

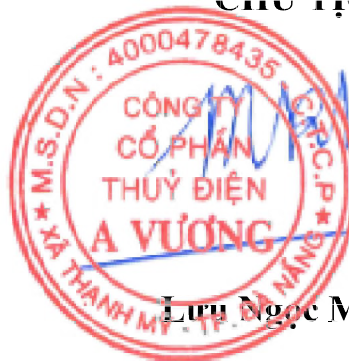
Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lưu Ngọc Mai Phi

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông AVC

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của BKS quy định tại Luật DN và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện A Vương xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát như sau:

I. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2025 - Báo cáo tình hình tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện A Vương.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025 (Theo NQ số 240/NQ-HDQT ngày 26/5/2025)	Thực hiện năm 2025 (sau kiểm toán)	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	739	997,005	134,91%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	610.661	743.672	121,78%
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	337.477	408.808	121,14%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	273.184	334.865	122,58%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	218.547	269.393	123,27%

STT	Nội dung	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Hệ số khả dụng	88,95%	93,28%	104,87%
2	Tỷ lệ điện tự dùng	0,63%	0,30%	47,62%

- Lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra là do thời tiết thuận lợi, AVC thực hiện tốt công tác bảo trì, sửa chữa và vận hành hiệu quả các tổ máy của NMTĐ A Vương nên sản lượng điện cao hơn sản lượng điện giao (sản lượng điện đạt 993 triệu kWh/kế hoạch là 734 triệu kWh) mặc dầu giá điện bình quân năm 2025 thấp hơn năm 2024 do Bộ công thương giao Qc năm 2025 lớn hơn 2024.

1. Công tác sửa chữa lớn:

- Hoàn thành các hạng mục SCL theo kế hoạch 2025 với tổng giá trị như sau:
 Kế hoạch giao: 34,76 tỷ trong đó nâng cấp cải tạo 10,88 tỷ
 Thực hiện trong năm: 34,76 tỷ trong đó nâng cấp cải tạo 10,1 tỷ đồng
 Trong năm 2025 AVC đã hoàn thành kế hoạch sửa chữa lớn.

2. Công tác ĐTXD năm 2025:

2.1. Dự án xây dựng Trụ sở điều hành SXKD của Công ty

Trong năm 2025 Công ty đã thực hiện hoàn thành phê duyệt HSMT và đăng tải HSMT gói thầu XL01: Thi công xây dựng và mua sắm, lắp đặt toàn bộ thiết bị công trình thuộc dự án Trụ sở ĐHSXKD Công ty CPTĐ A Vương. Hiện các bộ phận chuyên môn đang thực hiện xét thầu.

Giá trị thực hiện năm 2025 là 1.067 triệu đồng/kế hoạch giao là 1.092 triệu đồng, đạt 98% kế hoạch.

Công ty thực hiện dự án này chậm tiến độ so với kế hoạch.

2.2. Đối với các dự án nguồn điện của Công ty (Dự án Mở rộng công suất NMTĐ A Vương và Thủy điện tích năng A Vương):

Trong năm 2025 AVC đã tích cực làm việc, bám sát Bộ Công Thương đề xuất 02 dự án này vào QHĐ VIII điều chỉnh, kết quả dự án MRAY và TNAV đã được Chính phủ phê duyệt bổ sung vào quy hoạch điện VIII tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025.

a. Dự án mở rộng công suất NMTĐ A Vương:

+ Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu Tư vấn khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án MRAY.

+ Hoàn thành nghiệm thu thanh quyết toán gói thầu Tư vấn khảo sát, đánh giá, lập báo cáo nghiên cứu dự án mở rộng công suất Nhà máy thủy điện A Vương và bổ sung dự án vào Quy hoạch điện VIII. Giá trị nghiệm thu thanh quyết toán là 435 triệu đồng.

b. Dự án thủy điện tích năng A Vương:

+ Hoàn thành báo cáo đánh giá hiệu quả dự án thủy điện TNAV theo các phương án công suất 300MW, 1050MW.

+ Làm việc với các cơ quan chức năng để xin hướng dẫn thực hiện các thủ tục điều chỉnh công suất dự án thủy điện tích năng A Vương từ 300MW lên 1050MW.

3. Công tác cung cấp các dịch vụ kỹ thuật

Trong năm 2025, Công ty đã ký 53 Hợp đồng và thực hiện 08 hợp đồng chuyển tiếp về cung cấp dịch vụ kỹ thuật, đã quyết toán tổng cộng 61 hợp đồng với kết quả là:

- Doanh thu đạt 36,20 tỷ đồng
- Chi phí đạt 35,245 tỷ đồng
- Lợi nhuận đạt 955 triệu đồng

Tỷ lệ lợi nhuận đạt 2,7% trên vốn, tuy nhiên đã tạo việc làm và thu nhập bổ sung vào quỹ lương 18,8 tỷ cho người lao động.

4. Đầu tư vốn tại công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ (AVC góp vốn)

Đến 31/12/2025, AVC có góp vốn đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (PTM) số tiền là 79,8 tỷ đồng (tỷ lệ biểu quyết 12,91%). Trong năm 2025 vốn góp

không thay đổi. Cổ tức thực nhận năm 2025 là 11,97 tỷ đồng bao gồm 8,5% cổ tức 2024 và ứng 6,5% cổ tức 2025.

5. Báo cáo tài chính, tình hình tài chính năm 2025 của AVC:

BCTC đã được kiểm toán, Ban kiểm soát đã giám sát đơn vị kiểm toán, thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty. Các nội dung kiến nghị của kiểm toán theo biên bản kiểm toán 2025 đã được AVC thực hiện, Ban kiểm soát thống nhất với đánh giá của Kiểm toán độc lập là: Báo cáo tài chính năm 2025 đã phản ánh trung thực, hợp lý phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định Pháp lý có liên quan.

Số liệu tài sản và nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2025:

(Chi tiết theo Phụ lục 02)

5.1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính

- Về quy mô sử dụng vốn: Tổng tài sản cuối kỳ tại thời điểm 31/12/2025 là 1.341 tỷ đồng tăng 80 tỷ đồng tương ứng với 6,3% so với đầu năm chủ yếu do đơn vị trích quỹ ĐTPT, tăng khoản lợi nhuận chưa phân phối sau khi bù trừ giảm do thực hiện chia cổ tức còn lại năm 2024 và tạm ứng cổ tức 2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Về khả năng tự đảm bảo về tài chính: Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 là 0,12 lần; Vốn CSH/tổng nguồn vốn chiếm 89%, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước. Qua số liệu trên có thể đánh giá Công ty AVC vẫn đang sử dụng chủ yếu là vốn CSH trong hoạt động SXKD.

- Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán tổng quát tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty AVC đạt 9,2 lần; khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đạt 3,16 lần. Với các hệ số thanh toán như trên, Công ty AVC có năng lực tài chính tốt, đảm bảo khả năng chi trả tốt các khoản nợ.

- Về cơ cấu tài sản: tại thời điểm 31/12/2025, Tài sản dài hạn chiếm 66% trong tổng tài sản, giảm so với đầu năm, tuy nhiên vốn CSH chiếm 89% tổng nguồn vốn đảm bảo đủ để tài trợ cho tài sản dài hạn. Tài sản ngắn hạn thời điểm 31/12/2025 chiếm 34% tăng so với đầu năm. Tuy nhiên, tiền và các khoản tương đương tiền, tăng so với đầu năm nâng cao tính thanh khoản và đảm bảo vốn lưu động bằng tiền sẵn sàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.2. Các hệ số vốn/tài sản/khả năng thanh toán và hiệu quả sử dụng vốn:

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) kỳ năm 2025 đạt 21% tương đương năm 2024.

- Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu (ROE): Vốn góp CSH không thay đổi trong năm 2025; ROE đạt 24% giảm 1% so với cùng kỳ năm trước.

Tại thời điểm 31/12/2025 tất cả các chỉ tiêu tài chính đều phản ánh tình hình tài chính Công ty ổn định, Tỷ suất nợ trên tổng nguồn vốn của AVC thời điểm 31/12/2025 là 0,108 lần (đảm bảo nhỏ hơn 3 lần theo quy định quản lý tài chính), khả năng thanh toán ngắn hạn là 3,16 lần thể hiện sự tự chủ về mặt tài chính, đảm bảo an toàn tài chính Công ty

II. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2025

1. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Nghị quyết 1184/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông năm 2025, HĐQT và Ban điều hành Công ty thực hiện như sau:

TT	NQ ĐHĐCĐ năm 2025	Kết quả thực hiện năm 2025	Đánh giá
1	Các chỉ tiêu SXKD năm 2025	Kết quả SXKD 2025: Sản lượng điện đạt 135,4%; Doanh thu đạt 121,8%; chi phí đạt 121,1% và lợi nhuận TT đạt 122,6%.	Hoàn thành vượt mức cao so với NQ ĐHĐCĐ
2	Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 theo NQ ĐHĐCĐ Cổ tức năm 2025: 15%	Đã thực hiện phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức đúng quy định Đã tạm ứng cổ tức 2025: 5%	Hoàn thành
3	Thông qua tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025	Đã thực hiện	Hoàn thành
4	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2025	Đã thực hiện	Hoàn thành

2. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết HĐQT:

Trong năm 2025 HĐQT đã ban hành và thông qua 130 Nghị quyết và các Quyết định; Quy chế QLNB để Ban giám đốc thực hiện điều hành hoạt động SXKD của Công ty;

HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; Tổ chức họp, lấy ý kiến các Thành viên HĐQT theo quy định; Triển khai đề án tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả SXKD, tăng năng suất lao động, bám sát thực hiện các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí được Tổng công ty giao; Tuân thủ về việc báo cáo tài chính quý, năm theo đúng thời hạn; Hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy thủy điện A Vương đạt kết quả cao vượt các chỉ tiêu SXKD; bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo duy trì mã chứng khoán AVC giao dịch trên thị trường; đảm bảo được việc làm và thu nhập ổn định cho Người lao động.

- HĐQT, Ban điều hành, Người đại diện phần vốn EVNGENCO2 tại AVC đã thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp theo đúng quy định Pháp luật và phân cấp của EVN và EVNGENCO2.

Các TV HĐQT Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ xin ý kiến CSH trước khi biểu quyết, quyết định các nội dung công việc theo quy định.

Việc phổ biến, thực hiện các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, AVC đã triển khai tuân thủ theo đúng quy định .

III. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS

1. Thông tin về các thành viên Ban kiểm soát:

Sau ĐHĐCĐ 2025 BKS có 3 thành viên, Các Thành viên Ban kiểm soát Công ty đã hoạt động tuân thủ đúng theo Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp, KSV EVNGENCO2 hoạt động tuân thủ theo Quy chế của Tổng công ty phát điện 2.

Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp hàng quý để đánh giá kết quả hoạt động, đồng thời tiến hành kiểm tra trực tiếp các chuyên đề theo kế hoạch. Các thành viên đã tham gia các cuộc họp đầy đủ.

2. Hoạt động của BKS năm 2025:

- Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty; Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế 96/QĐ-HĐQT và Quy chế 121/QĐ-HĐQT của Tổng công ty Phát điện 2; Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra giám sát thường

xuyên và kiểm tra trực tiếp định kỳ theo Kế hoạch; những sai sót phát hiện đã lập biên bản gửi HĐQT chỉ đạo Ban điều hành khắc phục và báo cáo cho Chủ sở hữu chi phối là Tổng công ty Phát điện 2. Trong năm 2025 chưa có sai sót nào ảnh hưởng trọng yếu đến quyền lợi của Cổ đông.

3. Thù lao, chi phí của Ban kiểm soát năm 2025

- Thù lao của Ban kiểm soát: Công ty đã thực hiện chi trả thù lao năm 2025 cho BKS theo kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua và được quyết toán tiền lương năm 2025.
- Chi phí Ban kiểm soát: Thực hiện trong dự toán đã được ĐHĐCĐ 2025 thông qua, trong năm 2025 BKS đã sử dụng tiết kiệm các khoản chi phí phục vụ hoạt động của BKS.

IV. Kết quả giám sát của Ban kiểm soát

1. Về giám sát giao dịch với các bên liên quan:

Trong năm 2025, Công ty đã có các giao dịch với bên liên quan gồm giao dịch mua bán điện với Công ty mua bán điện, Tổng công ty Phát điện 2 tiền thuê văn phòng và các giao dịch về DVSC các nhà máy trong nội bộ. Các giao dịch này đã được Ban điều hành Công ty rà soát theo phân cấp và trình HĐQT thông qua trước khi ký kết hợp đồng, các giao dịch trên đã tuân thủ theo đúng quy định về thông qua giao dịch với các bên liên quan quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT.

2. Giám sát hoạt động của HĐQT/Ban điều hành:

- Về việc giám sát hoạt động của HĐQT/Ban điều hành: Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát HĐQT/Ban điều hành thông qua các hoạt động thường xuyên như:
 - + Giám sát việc chấp hành các quy định Pháp luật, Quy chế nội bộ cũng như tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT Công ty; thực hiện các cuộc kiểm tra theo chuyên đề và kiểm tra trực tiếp theo kế hoạch.
 - + Giám sát sát tình hình thực hiện, khắc phục tồn tại của các đoàn kiểm tra cấp trên, cơ quan chức năng Nhà nước và các tồn tại qua các đợt kiểm soát trực tiếp của Ban kiểm soát.
 - + Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện chi phí sản xuất kinh doanh, đầu tư, công tác đầu thầu, mua sắm của Công ty so với kế hoạch và việc tuân thủ Pháp luật, Quy chế nội bộ.
 - + Kiểm tra giám sát công tác quản trị dòng tiền, quản lý thu hồi nợ khó đòi và các khoản công nợ khác.
 - + Thẩm định tính hợp lý của Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và BCTC năm 2025.

- Trong năm 2025 Ban kiểm soát chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng hoạt động của Công ty hay vi phạm quy định Pháp luật của Công ty trong công tác, hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý. Ngoài ra Ban kiểm soát không ghi nhận khiếu nại nào của Cổ đông về các sai phạm của HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT/Ban điều hành:

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, giao ban sản xuất và các cuộc họp liên quan đến điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- HĐQT/Ban điều hành đã cung cấp đầy đủ thông tin về các kế hoạch sản xuất kinh doanh, thông tin về các cuộc họp HĐQT, tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT và các thông tin khác kịp thời đầy đủ.

- HĐQT/Ban điều hành Công ty luôn hợp tác, tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, luôn tạo điều kiện về nhân lực và phương tiện khi có yêu cầu.

V. Nhận xét, kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Trong công tác quản lý điều hành, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty đã tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Quy chế QLNB, Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị được Ban điều hành chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu.

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty hoàn thành tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025 giao. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động còn một số vấn đề cần lưu ý như sau:

+ **Về công tác Sửa chữa lớn:** Trong năm 2025 tình hình thiên bão lũ làm sạt lở hư hỏng nhiều hạng mục công trình. Công ty cần khẩn trương thực hiện hoàn thành các hạng mục trên để phục công tác vận hành nhà máy ổn định. Một số hạng mục nâng cấp cần phân loại hạch toán đúng theo quy định của chế độ kế toán.

+ Công tác thu hồi nợ:

Công ty đã tích cực trong vấn đề thu nợ tiền điện đảm bảo dòng tiền trong hoạt động SXKD.

Các khoản công nợ DVKT quá hạn tại thời điểm 31/12/2025 là: 6,19 tỷ đồng giảm 3,88 tỷ so với 10,19 tỷ đồng đầu năm, trong năm việc thu hồi nợ tồn đọng các năm trước còn chậm. Công ty cần tăng cường thu hồi các khoản nợ khó đòi và có biện pháp xử lý khác mạnh hơn trong quá trình xử lý công nợ.

+ Về công tác quản lý tài chính - kế toán:

Theo kết quả kiểm toán độc lập năm 2025, Kiểm toán đã đưa ra ý kiến: BCTC công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, không có ý kiến ngoại trừ.

- Tuy nhiên, qua kết quả giám sát Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2025, còn một số vấn đề cần lưu ý cần có giải pháp khắc phục được nêu tại Biên bản kiểm toán.

2. Kiến nghị:

- Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, BCTC 2025 đã được Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC kiểm toán.

- Công ty AVC cần tăng cường công tác thu hồi, xử lý nợ khó đòi tồn tại trong các năm trước, tăng cường quản lý chặt chẽ các hợp đồng mới giảm thiểu nợ khó đòi, quá hạn phát sinh thêm trong những năm tới.

- Tiếp tục cải cách và nâng cao quy trình quản trị và quản lý rủi ro của Công ty. đẩy mạnh hoạt động tuân thủ Pháp luật, đào tạo và phát triển nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển. Tăng cường sự minh bạch, trung thực và tin cậy trong các hoạt động SXKD và báo cáo tài chính của Công ty.

VI. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026:

BKS đã lập và trình ĐHĐCĐ 2026 thông qua để thực hiện trên cơ sở Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 12/01/2026 của HĐQT EVNGENCO2 về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm toán giám sát năm 2026 của Tổng công ty Phát điện 2.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục 03)

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện A Vương, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thiện

Phu lục 01

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được giao trong năm 2025:

(1) Tình hình sản xuất điện

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH năm (%)
1	Sản lượng điện SX	Tr. kWh	734,340	993,990	135,4%
2	Giá bán điện bq	đ/kwh	803,5	694,4	86,42%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	610,661	743,672	121,8%
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	337,477	408,808	121,1%
5	Tổng LN trước thuế	Tỷ đồng	273,184	334,865	122,6%

STT	Nội dung	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Hệ số khả dụng	88,95%	93,28%	104,87%
2	Tỷ lệ điện tự dùng	0,63%	0,30%	47,62%

Phu lục 02
Bảng cân đối kế toán Năm 2025

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm 2025	Số đầu năm 2025
1	2	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	459.592.815.630	305.701.980.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	100.058.173.038	42.094.234.813
1. Tiền	111	1.058.173.038	12.094.234.813
2. Các khoản tương đương tiền	112	99.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	162.000.000.000	15.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	162.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	185.063.307.783	242.766.750.863
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	186.314.769.886	247.496.835.458
2. Trả trước cho người bán	132	847.246.901	1.510.778.016
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.957.868.757	595.708.987
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-5.056.577.761	-6.836.571.598
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho	140	11.733.880.146	5.688.820.276
1. Hàng tồn kho	141	11.733.880.146	5.688.820.276
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	737.454.663	152.174.933
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	726.442.893	152.174.933
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11.011.770	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
B – TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	882.304.717.812	955.726.349.380
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		
II. Tài sản cố định	220	777.684.466.758	853.152.293.265
1. Tài sản cố định hữu hình	221	681.731.992.529	755.532.593.931
– Nguyên giá	222	3.383.181.608.360	3.365.605.325.010
– Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-2.701.449.615.831	-2.610.072.731.079
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
– Nguyên giá	225		

– Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	95.952.474.229	97.619.699.334
– Nguyên giá	228	105.553.073.589	105.553.073.589
– Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-9.600.599.360	-7.933.374.255
III. Bất động sản đầu tư	230		
– Nguyên giá	231		
– Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	6.083.669.701	1.832.642.642
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.083.669.701	1.832.642.642
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	79.800.000.000	79.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	79.800.000.000	79.800.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	18.736.581.353	20.941.413.473
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	18.736.581.353	20.941.413.473
4. Tài sản dài hạn khác	268		
5. Lợi thế thương mại	269		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1.341.897.533.442	1.261.428.330.265

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm 2025	Số đầu năm 2025
1	2	4	4
A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	145.547.343.114	176.046.858.916
I. Nợ ngắn hạn	310	145.547.343.114	176.046.858.916
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12.456.059.998	11.463.873.871
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.802.303.286	246.596.645
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	44.352.325.075	40.475.691.643
4. Phải trả người lao động	314	37.336.088.283	19.559.006.106
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	44.366.016.772	96.059.632.965
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	117.214.991	529.692.967
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.117.334.709	7.712.364.719
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
II. Nợ dài hạn	330		
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		

5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
B – VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	1.196.350.190.328	1.085.381.471.349
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.196.350.190.328	1.085.381.471.349
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	750.520.520.000	750.520.520.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411a		
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411b	750.520.520.000	750.520.520.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411c		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	31.328.488.188	28.673.080.097
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	133.008.502.335	46.499.630.358
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	281.492.679.805	259.688.240.894
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	251.335.772.333	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	30.156.907.472	259.688.240.894
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)	440	1.341.897.533.442	1.261.428.330.265

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Năm 2025

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2025	Năm 2024
1	2	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	726.464.028.832	752.328.702.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10	726.464.028.832	752.328.702.442
4. Giá vốn hàng bán	11	357.576.036.065	349.801.346.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	368.887.992.767	402.527.355.973
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16.474.440.587	7.843.082.931

7. Chi phí tài chính	22		
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		
9. Chi phí bán hàng	25		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	51.124.793.388	43.376.301.515
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30=20+ (21-22)+24-(25+26)}	30	334.237.639.966	366.994.137.389
12. Thu nhập khác	31	733.806.250	4.056.085.358
13. Chi phí khác	32	106.738.637	583.527.606
14. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40	627.067.613	3.472.557.752
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)	50	334.864.707.579	370.466.695.141
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	65.471.135.433	73.252.428.247
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60	269.393.572.146	297.214.266.894
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		

Chi phí giá thành theo yếu tố Năm 2025

Đơn vị tính: đồng

DIỄN GIẢI	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
1. Nhiên liệu	10		
2. Vật liệu	20	9.189.555.711	12.316.670.118
3. Lương và bảo hiểm xã hội	30	71.913.400.406	56.245.873.019
- Lương CNV	31	65.367.844.640	50.904.477.213
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	32	6.545.555.766	5.341.395.806
4. Khấu hao TSCĐ	40	94.403.693.423	90.806.242.548
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	50	21.143.010.663	12.315.420.485
- Điện dùng nội bộ	51	2.057.149.415	2.242.979.668
- Điện mua của tập đoàn	52	0	
- Điện mua của Tổng công ty	53		
- Điện mua của các công ty phát điện độc lập do Tập đoàn, đơn vị giữ 100% vốn điều lệ	54		
- Điện mua của các công ty phát điện cổ phần do Tập đoàn, đơn vị giữ CP chi phối	55		
- Điện mua ngoài	56		
- Phí truyền tải	57		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	58	19.085.861.248	10.072.440.817
6. Chi phí sửa chữa lớn	60	24.665.659.001	49.726.903.469
7. Chi phí phát triển khách hàng	70		
8. Chi phí bằng tiền khác	80	194.247.336.232	170.648.746.957
- Thuế tài nguyên	81	108.334.337.922	89.718.367.004
- Phí môi trường rừng	82	35.783.564.760	31.685.792.868
- Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	83	9.623.229.000	9.623.229.000
- Thuế đất	84	34.656.519	74.333.849

- Ăn ca	85	1.443.682.000	1.463.194.000
- Trợ cấp mất việc làm	86	60.012.000	
- Dự phòng nợ khó đòi	87	-1.779.993.837	-215.527.460
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	88		
- Chi phí khác	89	40.747.847.868	38.299.357.696
Cộng	A	415.562.655.436	392.059.856.596

Phu lục 03:
Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2026

Nội dung công tác thường xuyên chính như sau:

Stt	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của kiểm soát viên theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	Thường xuyên
2	Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	Thường xuyên
3	Thực hiện kiểm soát và lập báo cáo kiểm soát năm 2025, Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026; tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026	(tại ĐHCĐ năm 2025)
4	Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đối với Hội đồng quản trị, ban điều hành (đối với các CTCP)	Thường xuyên
5	Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty	Thường xuyên
6	Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của HĐQT/HĐQT, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty, NDD phần vốn của EVNGENCO2 tại Công ty	Thường xuyên
7	Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ các QCQLNB của Công ty	Thường xuyên
8	Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan; giám sát quá trình kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của Công ty	Thường xuyên
9	Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan	Thường xuyên
10	Giám sát thực hiện các dự án đầu tư có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của Tổng công ty; giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty	Thường xuyên
11	Theo dõi, kiểm tra giám sát Công ty trong tuân thủ các chỉ đạo của HĐQT EVN, HĐQT EVNGENCO2 và các cơ quan thanh kiểm tra bên ngoài (Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ ngành...)	Thường xuyên
12	Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi KSV về hoạt động SXKD, ĐTXD và các vấn đề liên quan tới Công ty, KSV có trách nhiệm báo cáo HĐQT EVNGENCO2 và Ban KTGS để xử lý theo quy định	Khi có khiếu nại, tố cáo
13	Trong quá trình làm việc, nếu KSV phát hiện những sai phạm, những hoạt động có dấu hiệu vi phạm pháp luật sẽ ghi nhận lại sự việc, hiện trạng, nêu khuyến cáo, báo cáo HĐQT EVNGENCO2 và Ban KTGS để xử lý theo quy định	Khi phát hiện có dấu hiệu sai phạm

Stt	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
14	Thực hiện các quy trình nghiệp vụ được quy định chi tiết tại Chương IV,V,VI,VII của Quy chế kiểm toán giám sát và kiểm soát tuân thủ trong EVN và EVNGENCO2	Thường xuyên
15	Thực hiện chế độ báo cáo theo Quy chế KTNB, GSTC và KSTT trong EVN và EVNGENCO2	Theo thời gian yêu cầu của QC KTGS và KSTT
16	Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của EVN, EVNGENCO2, Điều lệ Công ty, hoặc theo yêu cầu, quyết định của HĐQT EVNGENCO2	Thường xuyên
17	Giám sát tình hình tài chính công ty (thông qua xem xét các báo cáo GSDK của công ty)	Hàng quý

Nội dung các đợt kiểm soát trực tiếp:

Stt	Nội dung kiểm soát	Thời gian dự kiến
1	Đợt 1: Kiểm soát quý I+II/2026	
	Giám sát kiểm toán; thẩm tra BCTC năm 2025 AVC;	Quý 1
	Soát xét các hồ sơ đấu thầu, thực hiện hợp đồng năm 2025	-
	Kiểm tra kết quả thực hiện khắc phục các kiến nghị thanh kiểm tra, kiểm toán giám sát 2025	-
2	Đợt 2: Kiểm soát quý II/2026	
	Soát xét các nội dung chuẩn bị cho ĐHCĐ 2026 của AVC	Quý 2
	Soát xét BCTC quý I/2026	-
	Kiểm tra hoạt động DVKT và sản xuất khác 2026	-
3	Đợt 2: Kiểm soát quý III/2025	Quý 3
	Soát xét BCTC quý II/2026 và 6 tháng đầu năm 2026; Giám sát Kiểm toán giữa niên độ	-
	Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026	-
	Rà soát tuân thủ QCQLNB của Công ty; và EVN; Genco2	
4	Đợt 4: Kiểm soát quý IV/2026	Quý 4
	Soát xét BCTC quý III/2026	-
	Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026; tình hình thực hiện KH SXKD 2026	-
	Soát xét các hồ sơ đấu thầu, thực hiện hợp đồng, SCL năm 2026	-
	Kiểm tra việc tuân thủ quy định và thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	-
	Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của HĐQT, Tổng giám đốc công ty, NDD phân vốn của Tổng công ty tại AVC	-

TỜ TRÌNH

**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương như sau:

1. Đơn vị kiểm toán: trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được Bộ tài chính chấp thuận cho các Doanh nghiệp kiểm toán được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng.

2. ĐHĐCĐ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 trong danh sách được Bộ tài chính chấp thuận trên theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương.

KSV EVNGENCO2 tại AVC kiến nghị NĐD phân vốn EVNGENCO2 tại AVC thông qua HĐQT triển khai lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 phù hợp với các chỉ đạo của Tổng công ty, triển khai thủ tục theo đúng quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thiện

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần thủy điện A Vương;

Căn cứ tình hình SXKD của Công ty năm 2025 và báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

Hội đồng Quản trị Công ty CP Thủy điện A Vương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận được phân phối (đồng)	319.018.705.805	
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025	269.393.572.146	BCTC kiểm toán năm 2025
2	Lợi nhuận để lại các năm trước	49.625.133.659	
II	Phương án phân phối lợi nhuận (đồng)	319.018.705.805	
1	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	134.696.786.073	Tỷ lệ trích Quỹ ĐTPT là 50% Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025
2	Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi	10.022.981.500	3 tháng tiền lương
3	Quỹ thưởng người quản lý công ty và kiểm soát viên	1.078.587.750	3 tháng tiền lương
4	Cổ tức		
	+ Tỷ lệ (%)	20%	
	+ Thành tiền	150.104.104.000	
5	Lợi nhuận để lại (I-II.1-II.2-II.3-II.4)	23.116.246.482	

2. Phương án chi trả cổ tức 2025

Hình thức chi trả cổ tức 20% (2.000 đồng/cp) bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
Trong đó :

- Đã tạm ứng cổ tức: 5% (500 đ/cp).
- Cổ tức còn lại phải chi trả: 15% (1.500 đ/cp).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết nghị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TKCT;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Lưu Ngọc Mai Phi

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN A VƯƠNG
Số: 927/TTr-TĐAV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Về việc thông qua tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và
Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần thủy điện A Vương;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 29/5/2026 về việc thông qua Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (lần 2).

HĐQT Công ty CP Thủy điện A Vương kính trình ĐHĐCĐ thông qua tiền lương, thù lao năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của HĐQT, BKS với nội dung sau:

1. Thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS năm 2025

Tổng tiền lương (gồm tiền ATĐ), thù lao của HĐQT, BKS năm 2025: **4.314.351.000** đồng, trong đó:

1.1. HĐQT

- CT. HĐQT chuyên trách: 733.772.000 đồng
- TV. HĐQT chuyên trách: 1.781.037.000 đồng
- TV.HĐQT không chuyên trách: 237.468.000 đồng

1.2. BKS

- Trưởng BKS chuyên trách: 615.038.000 đồng
- TV.BKS chuyên trách: 789.200.000 đồng
- TV.BKS không chuyên trách: 157.836.000 đồng

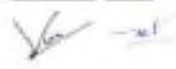
2. Kế hoạch Thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS năm 2026

Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026: **4.944.000.000** đồng, cụ thể các mức như sau

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mức lương/tháng	Thù lao/tháng	Tổng Cộng
I/	HĐQT			
1	CT. HĐQT chuyên trách	74.000.000		888.000.000
2	TV.HĐQT chuyên trách	60.000.000		2.160.000.000
3	TV.HĐQT không chuyên trách		12.000.000	288.000.000

II/	BKS			
1	Trưởng BKS chuyên trách	62.000.000		744.000.000
2	TV.BKS chuyên trách	60.000.000		720.000.000
3	TV. BKS không chuyên trách		12.000.000	144.000.000
	Tổng Cộng			4.944.000.000

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết nghị./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, TH, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lưu Ngọc Mai Phi

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN A VƯƠNG
Số: 933/TTr-TĐAV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung nội dung chi tiết ngành nghề kinh doanh, hiệu chỉnh mã ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 và địa chỉ Công ty tại Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ Tướng chính phủ về việc Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần thủy điện A Vương;

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại Hội đồng cổ đông nội dung như sau:

1- Thông qua sửa đổi, bổ sung nội dung chi tiết cho một số ngành, nghề kinh doanh của Công ty như phụ lục I đính kèm

2- Thông qua hiệu chỉnh mã ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng chính phủ về việc Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và địa chỉ hoạt động của Công ty như phụ lục II và III đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết nghị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Lưu: VT, HCLĐ, TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lưu Ngọc Mai Phi

Phụ lục I

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung nội dung chi tiết ngành nghề kinh doanh, hiệu chỉnh mã ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với

Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025

(Đính kèm văn bản sốTTr-TĐAV ngày ... thángnăm 2026 về việc thông qua những nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương)

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
1	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none">- Dịch vụ quản lý dự án đầu tư, tư vấn giám sát thi công công trình năng lượng, công trình thủy điện, hệ thống điện trong công trình dân dụng - công nghiệp;- Tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp;- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, khảo sát địa chất thủy văn, đo đạc bản đồ hiện trạng sử dụng đất, đo đạc bản đồ địa chính, quan trắc biến dạng, quan trắc bồi lắng hồ chứa, tư vấn thiết kế quan trắc (công trình công nghiệp, điện, công trình viễn thông, thông tin, xây dựng dân dụng, cơ sở hạ tầng);- Dịch vụ quản lý dự án đầu tư, tư vấn giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp;- Tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy,- Tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.	7110
2	<p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy.</p>	4329

Phụ lục II

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung nội dung chi tiết ngành nghề kinh doanh, hiệu chỉnh mã ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 và địa chỉ Công ty tại Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
(Đính kèm văn bản sốTTr-TĐAV ngày ... thángnăm 2026 về việc thông qua những nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương)

NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH BỊ THAY ĐỔI		NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CẬP NHẬT THEO QĐ SỐ 36/2025/QĐ-TTg	
Mã ngành	Tên ngành, nghề	Mã ngành	Tên ngành, nghề
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị.	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị
3314	Sửa chữa thiết bị điện.	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện
3511	Sản xuất điện. <i>Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh nguồn điện</i>	3511	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo <i>Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh nguồn điện.</i>
		3512 (ngành chính)	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo <i>Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh nguồn điện.</i>
3512	Truyền tải và phân phối điện	3513	Truyền tải và phân phối điện
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì các nhà máy điện và các công trình công nghiệp; dịch vụ thí nghiệm điện và hoá dầu phục vụ công nghiệp điện năng và các lĩnh vực liên quan; dịch vụ thử nghiệm, hiệu chuẩn thiết bị cơ, điện, không điện (áp lực, nhiệt độ, lưu lượng, tốc độ, thời gian, hàm lượng khí, hành trình, trọng lượng) trong nhà máy điện, trạm biến áp và công trình/ nhà máy công nghiệp; dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và trang bị an toàn điện.</i>	7499	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì các nhà máy điện và các công trình công nghiệp; dịch vụ thí nghiệm điện và hoá dầu phục vụ công nghiệp điện năng và các lĩnh vực liên quan; dịch vụ thử nghiệm, hiệu chuẩn thiết bị cơ, điện, không điện (áp lực, nhiệt độ, lưu lượng, tốc độ, thời gian, hàm lượng khí, hành trình, trọng lượng) trong nhà máy điện, trạm biến áp và công trình/ nhà máy công nghiệp; dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và trang bị an toàn điện.</i>

Phụ lục III

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung nội dung chi tiết ngành nghề kinh doanh, hiệu chỉnh mã ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 và địa chỉ Công ty tại Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (Đính kèm văn bản sốTTr-TEAV ngày ... tháng năm 2026 về việc thông qua những nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương)

Stt	Điều khoản	Nội dung quy chế hiện hành	Nội dung sau khi hiệu chỉnh sửa đổi bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
1	Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương			
1	Điều 2	Khoản 3, Điều 2		
		2. Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Dung, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Dung, xã Thạnh Mỹ, thành phố Đà Nẵng	
1	Điều 2	Khoản 4, Điều 2		
		<p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>Tại thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty có 01 văn phòng đại diện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng.- Địa chỉ: số 143 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.	<p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>Tại thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty có 01 văn phòng đại diện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng.- Địa chỉ: số 143 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.	

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG**



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG**

*Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 6
năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương*



Tháng 6/2026

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	7
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	8
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	12
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	12
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	12
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	13
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	14
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 10. Thu hồi cổ phần	14
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	15
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	15
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	15
Điều 12. Quyền của cổ đông	15
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	17
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 17. Thay đổi các quyền	22
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	24

Nội dung	Trang
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	26
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	30
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	32
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	34
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	35
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	38
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	39
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	39
Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp	40
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	40
Điều 36. Thư ký Công ty	41
IX. BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	41
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	41
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	42
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	42
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	43

Nội dung	Trang
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	44
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	44
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	44
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	45
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	46
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	46
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	47
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	47
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	47
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	47
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	48
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	48
Điều 49. Năm tài chính	48
Điều 50. Chế độ kế toán	48
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	48
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	48
Điều 52. Báo cáo thường niên	49
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	49
Điều 53. Kiểm toán	49
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	49
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	49
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	49
Điều 55. Giải thể công ty	49
Điều 56. Gia hạn hoạt động	50
Điều 57. Thanh lý	50
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	51

Nội dung	Trang
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	51
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 59. Điều lệ công ty	51
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	52
Điều 60. Ngày hiệu lực	52

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (dưới đây gọi là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập mới. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với Pháp luật là cơ sở pháp lý để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung lần 11 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều lệ của Công ty cổ phần **THỦY ĐIỆN A VƯƠNG** được xây dựng dựa vào căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

n) *Sổ giao dịch chứng khoán* là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VUÔNG**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **A VUONG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **AVHPC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: **Thôn Dung, xã Thanh Mỹ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.**

- Điện thoại: 0236.211103

- Fax: 0236.643885

- E-mail: avc@avuong.com

- Website: avuong.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Tại thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty có 01 văn phòng đại diện như sau:

- Tên văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng.

- Địa chỉ: **Số 143 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.**

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Công ty.

2. Trường hợp chưa có Tổng giám đốc thì người được giao quyền Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1- Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: + Dịch vụ quản lý dự án đầu tư, tư vấn giám sát thi công công trình năng lượng, công trình thủy điện, hệ thống điện trong công trình dân dụng – công nghiệp + Tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp	7110

Stt	Tên ngành	Mã ngành
	+ Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, khảo sát địa chất thủy văn, đo đạc bản đồ hiện trạng sử dụng đất, đo đạc bản đồ địa chính, Quan trắc biến dạng, Quan trắc bồi lắng hồ chứa, tư vấn thiết kế quan trắc (công trình công nghiệp, điện, công trình viễn thông, thông tin, xây dựng dân dụng, cơ sở hạ tầng); Dịch vụ quản lý dự án đầu tư, tư vấn giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp. + Tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy. + Tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.	
2	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ viễn thông, tin học, công nghệ thông tin truyền thông	6190
3	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo	7310
4	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí	2592
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng	6810
6	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện và phụ kiện điện	2790
7	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
8	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề Chi tiết: Dịch vụ du lịch sinh thái	9321
9	Khai thác thủy sản nội địa	0312
10	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm)	0899
11	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
12	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
13	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14	Sản xuất thiết bị đo lường kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
15	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312

Stt	Tên ngành	Mã ngành
16	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công về phòng cháy và chữa cháy	4329
17	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
19	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
20	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh nguồn điện.	3512 (ngành chính)
24	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh nguồn điện.	3511
25	Cho thuê xe có động cơ	7710
26	Truyền tải và phân phối điện	3513
27	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
28	Đào tạo sơ cấp	8531
29	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
30	Đào tạo trung cấp	8532
31	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
32	Xây dựng công trình thủy	4291
33	Xây dựng công trình điện	4221
34	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
35	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
36	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Cầu, bốc xếp hàng hóa, thiết bị các loại	5224

Stt	Tên ngành	Mã ngành
37	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp công trình công nghiệp, xây dựng dân dụng, cơ sở hạ tầng	4299
38	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin – truyền thông ứng dụng trong hệ thống kinh doanh năng lượng	7211
39	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì các nhà máy điện và các công trình công nghiệp; dịch vụ thí nghiệm điện và hoá dầu phục vụ công nghiệp điện năng và các lĩnh vực liên quan; dịch vụ thử nghiệm, hiệu chuẩn thiết bị cơ, điện, không điện (áp lực, nhiệt độ, lưu lượng, tốc độ, thời gian, hàm lượng khí, hành trình, trọng lượng) trong nhà máy điện, trạm biến áp và công trình/ nhà máy công nghiệp; dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và trang bị an toàn điện.	7499
40	Xây dựng nhà để ở	4101
41	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
42	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất cấu kiện thép, bê tông	2395
43	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Đầu tư trồng rừng, quản lý rừng phòng hộ	0210
44	Xây dựng công trình đường sắt	4211
45	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng, quản lý, kinh doanh hệ thống giao thông	4212
46	Xây dựng nhà không để ở	4102
47	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322

Stt	Tên ngành	Mã ngành
48	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
49	(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

a. Tập trung mọi nguồn lực kinh doanh hiệu quả Nhà máy Thủy điện A Vương nhằm thu được lợi nhuận tối đa cho Cổ đông trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cộng đồng các dân tộc khu vực ảnh hưởng của dự án, đóng góp vào ngân sách góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b. Luôn luôn đầu tư phát triển nguồn nhân lực đảm bảo mỗi kỹ sư là một kỹ sư giỏi, mỗi công nhân là một thợ lành nghề, mỗi cán bộ quản lý là một quản trị viên giỏi, mỗi thành viên là một chuyên gia và không có người thiếu việc trong Công ty.

c. Phát triển, hướng đến các ngành nghề kinh doanh hiệu quả là cung ứng dịch vụ đầu tư, xây lắp, tư vấn, quản lý vận hành, bảo trì, thí nghiệm, kiểm định,... cho các Nhà máy điện và công trình công nghiệp đảm bảo lợi ích cho các nhà đầu tư cùng hưởng lợi.

d. Từng bước đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đặc biệt là đầu tư xây dựng dự án điện, bất động sản, dịch vụ lưu trú, cho thuê văn phòng...

e. Đảm bảo sự phát triển bền vững của môi trường.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **750.520.520.000 đồng** (Bảy trăm năm mươi tỷ năm trăm hai mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 75.052.052 cổ phần (Bảy mươi lăm triệu không trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi hai cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Các chuyển nhượng cổ phần khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; Đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Tổ chức là cổ đông của Công ty: có sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 10% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ trên 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

a) Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (*trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác*);

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh

sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *trên 50%* tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được đính kèm theo thông báo mời họp theo qui định khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Mỗi cổ đông ngay sau khi hoàn tất khâu đăng ký, kiểm tra tư cách họp lệ sẽ được phát 01 “Thẻ biểu quyết” và 01 “Phiếu lấy ý kiến biểu quyết”

- “Thẻ biểu quyết” được sử dụng trong trường hợp biểu quyết công khai và “Phiếu lấy ý kiến biểu quyết” được biểu quyết trong trường hợp biểu quyết kín.

- Thẻ biểu quyết bao gồm các thông tin: • Mã cổ đông (Mã Đại biểu) • Tên cổ đông/đại diện được ủy quyền • Số cổ phiếu sở hữu/được ủy quyền biểu quyết..

- Phiếu lấy ý kiến biểu quyết gồm các thông tin: • Mã cổ đông (Mã Đại biểu) • Tên cổ đông/đại diện được ủy quyền • Số cổ phiếu sở hữu/được ủy quyền biểu quyết • Các nội dung biểu quyết • Tình trạng biểu quyết: tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

- Tùy theo nội dung, đặc thù của kỳ ĐHĐCĐ, Công ty sẽ áp dụng hình thức sử dụng Thẻ biểu quyết hoặc đồng thời Thẻ biểu quyết và Phiếu lấy ý kiến biểu quyết.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f) Gia hạn hoạt động Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên

lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nêu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký

tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa (07) các thành viên hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó TGD, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

J) Quyết định vấn đề về công tác cán bộ (quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm từ chức, điều động, luân chuyển, ... đối với Trưởng phòng hoặc tương đương trở lên);

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty;

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

t) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu.

u) Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật”.

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Trường hợp họp HĐQT bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT, thông báo mời họp phải gửi chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

- Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến (theo nhiều cách thức) giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

- Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tuyến hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. TV HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là ‘có mặt’ tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo hình thức này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp theo hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả TV HĐQT tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác (theo quy định trong Điều lệ Công ty).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết

của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nêu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa đủ các Kiểm soát viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát có thể

làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng Ban kiểm soát sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn).

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối

tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc (một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty) có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế

toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi Cổ đông đều có quyền được tiếp cận và đọc bản Điều lệ này tại Văn phòng Công ty hoặc trên Website của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc

người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2008.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

e) Các khoản nợ khác của Công ty;

d) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật

mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương nhất trí thông qua ngày 01 tháng 6 năm 2026 tại thành phố Đà Nẵng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cao Huy Bảo